

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng chi phí
và định mức cho hoạt động quy hoạch**

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng .. năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng .. năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng .. năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý quy hoạch;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng chi phí và định mức cho hoạt động quy hoạch.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này có phạm vi điều chỉnh bao gồm:

1. Việc quản lý, sử dụng chi phí cho hoạt động quy hoạch của các quy hoạch trong hệ thống quy hoạch.

2. Định mức cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Định mức cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

1. *Vùng chuẩn* là lãnh thổ cấp vùng được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch vùng.

2. *Tỉnh chuẩn* là lãnh thổ cấp tỉnh được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch tỉnh.

3. *Nội dung đề xuất* là nội dung được xác định trong đề cương lập quy hoạch để đề phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng vào đưa vào quy hoạch tỉnh.

4. *Nội dung đề xuất chuẩn* là nội dung được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho hoạt động xây dựng nội dung đề xuất của quy hoạch tỉnh.

5. *Ngày công quy đổi* là số ngày công tối đa của một chuyên gia (CG) xếp mức cao nhất trong nhóm chuyên gia tư vấn phải bỏ ra để hoàn thành một nhiệm vụ.

6. *Mức chuyên gia tư vấn* là mức chuyên gia cao nhất thực hiện nội dung hoạt động quy hoạch được quy định tại Thông tư này; được chia theo 4 mức quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ và được ký hiệu: chuyên gia tư vấn mức 1 (CG1), chuyên gia tư vấn mức 2 (CG2), chuyên gia tư vấn mức 3 (CG3), chuyên gia tư vấn mức 4 (CG4).

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số ngày của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi

thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn đầu tư công cho hoạt động quy hoạch thực hiện theo phân cấp sách phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Kinh phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các Bộ, cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm;

b) Kinh phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm.

3. Nguồn tài trợ bằng tiền của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động quy hoạch là nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Nguồn tài trợ bằng tiền bằng tiền do bên tài trợ cho hoạt động quy hoạch trực tiếp quản lý, thực hiện thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà tài trợ với cơ quan tiếp nhận tài trợ quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này.

Kinh phí ngân sách không bố trí cho các nội dung đã được viện trợ hoặc tài trợ.

Điều 5. Nội dung chi cho hoạt động quy hoạch

1. Nội dung chi cho hoạt động quy hoạch bao gồm nội dung chi cho lập, thẩm định, công bố quy hoạch, đánh giá thực hiện quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch.

2. Nội dung chi cho hoạt động quy hoạch quy định tại Thông tư này là căn cứ để lập dự toán nhiệm vụ quy hoạch từ nguồn vốn đầu tư công, dự toán hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên.

3. Nội dung chi cho hoạt động quy hoạch bao gồm:

a) Chi cho hoạt động trực tiếp;

b) Chi cho hoạt động gián tiếp.

Điều 6. Nội dung chi cho hoạt động trực tiếp

1. Chi cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm:

a) Chi hoạt động trực lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

b) Chi hoạt động trực xây dựng nội dung đề xuất đưa vào quy hoạch tỉnh được xác định trong đề cương lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Chi cho hoạt động trực tiếp thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy

hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm:

- a) Chi chuyên gia là ủy viên phản biện của Hội đồng thẩm định quy hoạch;
- b) Chi tư vấn phản biện quy hoạch (nếu có);
- c) Chi thù lao của thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch.

3. Chi cho hoạt động trực tiếp công bố quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm:

- a) Chi phí hội nghị, hội thảo công bố quy hoạch;

b) Chi phí trưng bày hệ thống bản đồ quy hoạch, sơ đồ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

4. Chi hoạt động trực tiếp xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

5. Chi hoạt động trực tiếp điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định như sau:

a) Đối với điều chỉnh quy hoạch quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch, nội dung chi cho hoạt động trực tiếp lập, thẩm định, công bố điều chỉnh quy hoạch thực hiện như nội dung chi cho hoạt động trực tiếp lập, thẩm định, công bố quy hoạch quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều này;

b) Đối với điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch, nội dung chi cho hoạt động trực tiếp lập, công bố điều chỉnh quy hoạch bao gồm nội dung chi quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều này (không bao gồm lập đề cương lập điều chỉnh quy hoạch, thẩm định điều chỉnh quy hoạch).

6. Nội dung chi cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Nội dung chi cho hoạt động gián tiếp

1. Chi phí quản lý chung.

2. Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Chi phí tư vấn hỗ trợ thực hiện các hoạt động quy hoạch như: tư vấn lập dự toán chi tiết; tư vấn xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược...

4. Chi hội nghị, hội thảo lấy ý kiến về đề cương lập quy hoạch; lấy ý kiến về quy hoạch; thẩm định quy hoạch; công bố quy hoạch; lấy ý kiến về báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch...

5. Chi khác có liên quan như: tổ chức đi khảo sát; thu thập, mua số liệu, dữ

liệu; điều tra cơ bản theo quy định của pháp luật có liên quan...

6. Chi phí dự phòng (nếu có): dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự toán chi tiết. Chi phí dự phòng không vượt quá 10% của tổng các chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch.

Điều 8. Mức chi cho hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư công

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động trực tiếp lập, thẩm định, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh quy định tại Chương III của Thông tư này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động trực tiếp lập, thẩm định, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mức chi cho hoạt động gián tiếp của hoạt động quy hoạch từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư công thực hiện theo chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và quy định về một số mức chi cụ thể như sau:

a) Chi công tác phí, hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính;

b) Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC;

c) Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

d) Chi nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Chi kiểm tra, giám sát và đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số

06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính;

e) Chi thuê chuyên gia trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

g) Chi ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

h) Các nội dung, hoạt động, định mức chi khác theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 9. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán chi phí cho hoạt động quy hoạch từ nguồn vốn đầu tư công và nguồn chi thường xuyên

1. Đối với nguồn vốn đầu tư công

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ quy hoạch từ nguồn đầu tư công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và quy định pháp luật có liên quan;

b) Việc quản lý, sử dụng và quyết toán nhiệm vụ quy hoạch từ nguồn đầu tư công thực hiện theo quy định của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối với nguồn chi thường xuyên

a) Việc lập, phê duyệt dự toán hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Yêu cầu đối với lập dự toán nhiệm vụ quy hoạch từ nguồn vốn đầu tư công, dự toán hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên:

a) Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Bảo đảm phù hợp với đề cương lập quy hoạch đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch (nếu có) đối với quy hoạch chi tiết ngành; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch đối với quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Bảo đảm phù hợp với nội dung chi, mức chi theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp bằng tiền của cá nhân, tổ chức hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch

1. Cơ quan tiếp nhận tài trợ của cá nhân, tổ chức hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch được quy định như sau:

a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

c) Cơ quan tiếp nhận tài trợ của cá nhân, tổ chức hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với nguồn tài trợ, đóng góp bằng tiền vào ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

a) Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, đóng góp bằng tiền của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vào ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Khoản hỗ trợ bằng tiền được bổ sung vào dự toán chi phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan tiếp nhận nguồn tài trợ quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Định mức cho hoạt động quy hoạch thực hiện theo quy định của Thông tư này. Trường hợp các khoản kinh phí mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ đã có thỏa thuận khác về nội dung và mức chi thì thực hiện theo văn bản thỏa thuận, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với nguồn tài trợ, đóng góp bằng tiền hỗ trợ hoạt động quy hoạch do nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ tự quản lý, việc quản lý, sử dụng nguồn tài trợ và định mức cho hoạt động quy hoạch thực hiện theo văn bản thỏa thuận cơ quan tiếp nhận nguồn tài trợ với nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ, quy định của pháp luật về tài sản công, quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

ĐỊNH MỨC CHO HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH CỦA QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA, QUY HOẠCH VÙNG, QUY HOẠCH TỈNH

Điều 11. Nguyên tắc áp dụng định mức

1. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch là định mức tối đa của chi phí thuê tư vấn xây dựng đề cương lập quy hoạch, lập quy hoạch, xây dựng nội dung đề xuất của quy hoạch tỉnh, trong đó bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí khác của việc thuê tư vấn.

2. Việc áp dụng định mức tuân thủ nguyên tắc sau:

a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán quyết định mức chuyên gia đối với từng nội dung không vượt quá mức chuyên gia quy định tại Thông tư này. Mỗi nội dung phải có ít nhất 30% số lượng ngày công của mức chuyên gia cao nhất quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp mức chuyên gia được lựa chọn cao hơn mức chuyên gia quy định tại Thông tư này thì chi phí cho chuyên gia được xác định theo mức chuyên gia quy định tại Thông tư này

Điều 12. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch

2. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch tổng thể quốc gia được quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

3. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch không gian biển quốc gia được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

4. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia được quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

5. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch ngành được quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này.

6. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch vùng được xác định trên cơ sở vùng chuẩn theo quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI của Thông tư này.

7. Định mức cho hoạt động trực tiếp lập quy hoạch tỉnh được xác định trên cơ sở tỉnh chuẩn theo quy định tại Phụ lục VII và phụ lục VIII của Thông tư này.

8. Định mức cho hoạt động trực tiếp xây dựng nội dung đề xuất của quy hoạch tỉnh được xác định trên cơ sở nội dung đề xuất chuẩn của quy hoạch tỉnh quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X của Thông tư này.

Điều 13. Định mức cho hoạt động trực tiếp thẩm định quy hoạch

1. Định mức thù lao thẩm định quy hoạch của thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại Phụ lục XI.

2. Định mức cho hoạt động phản biện quy hoạch của 01 chuyên gia là ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định quy hoạch được quy định tại Phụ lục XII.

3. Định mức cho hoạt động phản biện Báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược của 01 chuyên gia trong Hội đồng thẩm định được quy định tại Phụ lục XII.

Điều 14. Định mức cho hoạt động trực tiếp xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch

Định mức cho hoạt động trực tiếp xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch quy định tại Phụ lục XIII của Thông tư này.

Điều 15. Định mức cho hoạt động trực tiếp điều chỉnh quy hoạch

Định mức cho từng hoạt động điều chỉnh đối với quy hoạch đã được phê duyệt hoặc quyết định áp dụng như định mức cho từng hoạt động lập mới quy hoạch và tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 16. Định mức thuê tổ chức tư vấn nước ngoài hoặc chuyên gia tư vấn cá nhân để thực hiện hoạt động quy hoạch

Trường hợp thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn nước ngoài để thực hiện hoạt động quy hoạch theo quyết định của người có thẩm quyền, mức chi phí thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn cá nhân nước ngoài được phép sử dụng dữ liệu chi phí tương tự của các dự án tương tự đã, đang triển khai trên thế giới.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.
2. Các thông tư sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có

hiệu lực thi hành trừ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch hết hiệu lực thi hành;

b) Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch;

3. Quy định có liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tại Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính tiếp tục có hiệu lực đến khi điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt nhưng không quá ngày 30 tháng 6 năm 2026

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Định mức và việc quản lý, sử dụng chi phí cho hoạt động quy hoạch của điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã thực hiện trước ngày Thông tư có hiệu lực theo quy định Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ, được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn

bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Các KBNN khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLQH (bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

DANH MỤC

CÁC PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ

Phụ lục I	Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch tổng thể quốc gia
Phụ lục II	Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch không gian biển quốc gia
Phụ lục III	Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia
Phụ lục IV	Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch ngành
<i>Phụ lục IV.1</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới đường bộ</i>
<i>Phụ lục IV.2</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới đường sắt</i>
<i>Phụ lục IV.3</i>	<i>Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng hàng hải</i>
<i>Phụ lục IV.4</i>	<i>Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc (không bao gồm cảng hàng không chuyên dùng)</i>
<i>Phụ lục IV.5</i>	<i>Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa</i>
<i>Phụ lục IV.6</i>	<i>Quy hoạch tổng thể về năng lượng</i>
<i>Phụ lục IV.7</i>	<i>Quy hoạch phát triển điện lực</i>
<i>Phụ lục IV.8</i>	<i>Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt</i>
<i>Phụ lục IV.9</i>	<i>Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông</i>
<i>Phụ lục IV.10</i>	<i>Quy hoạch hệ thống du lịch</i>
<i>Phụ lục IV.11</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập</i>
<i>Phụ lục IV.12</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập</i>
<i>Phụ lục IV.13</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập</i>
<i>Phụ lục IV.14</i>	<i>Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá</i>
<i>Phụ lục IV.15</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập</i>
<i>Phụ lục IV.16</i>	<i>Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia</i>
<i>Phụ lục IV.17</i>	<i>Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược</i>
<i>Phụ lục IV.18</i>	<i>Quy hoạch công nghiệp quốc phòng</i>
<i>Phụ lục IV.19</i>	<i>Quy hoạch công nghiệp an ninh</i>

<i>Phụ lục IV.20</i>	<i>Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy</i>
<i>Phụ lục IV.21</i>	<i>Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn</i>
<i>Phụ lục IV.22</i>	<i>Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh</i>
<i>Phụ lục IV.23</i>	<i>Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ</i>
<i>Phụ lục IV.24</i>	<i>Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i>
<i>Phụ lục IV.25</i>	<i>Quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II</i>
<i>Phụ lục IV.26</i>	<i>Quy hoạch lâm nghiệp</i>
<i>Phụ lục IV.27</i>	<i>Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản</i>
<i>Phụ lục IV.28</i>	<i>Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng</i>
<i>Phụ lục IV.29</i>	<i>Quy hoạch sử dụng đất an ninh</i>
<i>Phụ lục IV.30</i>	<i>Quy hoạch bảo vệ môi trường</i>
<i>Phụ lục IV.31</i>	<i>Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học</i>
<i>Phụ lục IV.32</i>	<i>Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn</i>
<i>Phụ lục IV.33</i>	<i>Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai</i>
<i>Phụ lục V</i>	<i>Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch vùng</i>
<i>Phụ lục VI</i>	<i>Định mức cho quy hoạch vùng chuẩn</i>
<i>Phụ lục VII</i>	<i>Định mức hoạt động trực tiếp lập quy hoạch tỉnh</i>
<i>Phụ lục VIII</i>	<i>Định mức trực tiếp cho quy hoạch tỉnh chuẩn</i>
<i>Phụ lục IX</i>	<i>Định mức hoạt động trực tiếp xây dựng nội dung đề xuất của quy hoạch tỉnh</i>
<i>Phụ lục X</i>	<i>Định mức trực tiếp cho nội dung đề xuất chuẩn</i>
<i>Phụ lục XI</i>	<i>Định mức thù lao thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định</i>
<i>Phụ lục XII</i>	<i>Định mức cho hoạt động phản biện quy hoạch của 01 chuyên gia trong hội đồng thẩm định</i>
<i>Phụ lục XIII</i>	<i>Định mức cho hoạt động trực tiếp xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch</i>

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ
QUỐC GIA

*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ		
a	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu		
a.1	Các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp quốc gia thuộc các ngành/ lĩnh vực có liên quan đến quy hoạch tổng thể quốc gia (trong đó bao gồm các ngành/ lĩnh vực được quy định theo Luật Quy hoạch năm 2017); Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn trước (nếu có)	CG2	100
a.2	Các chiến lược và chính sách phát triển của các nước trong khu vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch tổng thể quốc gia	CG2	100
a.3	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra về các điều kiện, yếu tố phát triển của quốc gia và của một số nước có liên quan trực tiếp (phục vụ mục đích đối sánh)	CG2	100
a.4	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra thuộc các ngành/ lĩnh vực có liên quan đến quy hoạch tổng thể quốc gia (trong đó bao gồm các ngành/ lĩnh vực được quy định theo Luật Quy hoạch năm 2017)	CG2	100
a.5	Số liệu, tài liệu thông tin điều tra về các nước trong khu vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch tổng thể quốc gia của Việt Nam	CG2	100
a.6	Số liệu, tài liệu, thông tin về tổng thể nền kinh tế quốc dân	CG2	100
a.7	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra cơ bản về hiện trạng phát triển các ngành, các lĩnh vực cấp quốc gia, các vùng và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia	CG2	100
a.8	Hệ thống bản đồ liên quan	CG2	150
b	Điều tra thực địa		
b.1	Cập nhật thông tin, tài liệu diễn biến tình hình thực tiễn về các điều kiện, yếu tố phát triển của quốc gia	CG2	50
b.2	Cập nhật thông tin, tài liệu diễn biến tình hình thực tiễn về hiện trạng phát triển các ngành, lĩnh vực cấp quốc gia	CG1	50
b.3	Cập nhật thông tin, tài liệu và của một số nước có liên quan trực tiếp (phục vụ mục đích đối sánh)	CG2	50
b.4	Điều tra, thu thập, đánh giá bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu các vùng	CG1	215
b.5	Điều tra, thu thập, đánh giá bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu về tiềm năng quốc gia tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	CG1	215
b.6	Điều tra, thu thập, đánh giá bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu về các lãnh thổ trọng điểm	CG1	215

b.7	Điều tra, thu thập, đánh giá bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu về các khu vực triển vọng hình thành các chức năng quốc gia	CG1	215
b.8	Điều tra, thu thập, đánh giá bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu về các hành lang kinh tế, các lãnh thổ đặc biệt	CG1	215
c	Xử lý tổng hợp các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	150
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1	75
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên		
a	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng đất đai và địa hình, địa mạo	CG1	100
b	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng quản lý, khai thác, sử dụng biển	CG1	100
c	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng quản lý, khai thác, sử dụng rừng	CG1	100
d	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng thủy văn	CG1	100
đ	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản	CG1	100
e	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng quản lý và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn lợi động, thực vật	CG1	100
g	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng khí hậu	CG1	100
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển quốc gia		
a	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng nhân khẩu học và phân bố dân cư		
a.1	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng về dân số và các đặc tính dân số	CG1	100
a.2	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng về cơ cấu dân số	CG1	100
a.3	Phân tích, đánh giá diễn biến và hiện trạng về phân bố dân cư	CG1	100
b	Phân tích, đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển nền kinh tế, phát triển các ngành và doanh nghiệp		
b.1	Đánh giá tổng thể hiện trạng văn hóa, các hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao và hạ tầng văn hóa – thể thao – du lịch	CG1	100
b.2	Đánh giá tổng thể hiện trạng giáo dục đào tạo và hạ tầng mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, cơ sở giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	CG1	100
b.3	Đánh giá tổng thể hiện trạng y tế và chăm sóc sức khỏe và hạ tầng ngành y tế	CG1	100
b.4	Phân tích, đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển nền kinh tế, phát triển các ngành kinh tế lớn và doanh nghiệp	CG1	100
b.5	Đánh giá tổng thể hiện trạng khoa học và công nghệ và mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ	CG1	100

b.6	Đánh giá tổng thể hiện trạng an ninh trật tự, phúc lợi xã hội và cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở xã hội nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công	CG1	100
b.7	Đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển hệ thống đô thị - nông thôn quốc gia	CG1	100
b.8	Đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; kết cấu hạ tầng điện và năng lượng; kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông	CG1	100
b.9	Đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống đê điều, thủy lợi; phòng chống thiên tai; quan trắc môi trường; hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	100
b.10	Đánh giá tổng thể hiện trạng các khu bảo tồn, khu cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi, di tích lịch sử văn hóa, tổng thể cảnh quan quốc gia (trong đó bao gồm cả danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích); các khu vực hạn chế sử dụng	CG1	100
b.11	Đánh giá tổng thể hiện trạng bảo vệ môi trường quốc gia	CG1	100
b.12	Đánh giá tổng thể hiện trạng sử dụng không gian biển	CG1	100
b.13	Rà soát nội dung các hợp phần quy hoạch, xác định các vấn đề mâu thuẫn, các điểm xung đột, các nội dung quy hoạch chồng chéo, các nhận định, phân tích chưa hợp lý	CG1	100
b.14	Đánh giá tổng hợp tính hợp lý trong bố trí không gian phát triển các ngành, vùng của thời kỳ quy hoạch trước	CG1	100
4	Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, các yếu tố về bảo đảm quốc phòng, an ninh;	CG1	100
5	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến sự phát triển của quốc gia; Phân tích, dự báo khả năng huy động các nguồn lực phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.	CG1	100
a	Đánh giá, phân tích vị thế kinh tế - chính trị của Việt Nam trong khu vực và quốc tế	CG1	150
b	Dự báo xu thế phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ và biến đổi khí hậu có tác động đến sự phát triển của quốc gia	CG1	550
c	Dự báo các tình huống có thể xảy ra do tác động của các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng tới sự phát triển của quốc gia	CG1	550
d	Phân tích lợi thế so sánh và cơ hội phát triển, khó khăn và thách thức đối với sự phát triển của quốc gia	CG1	550
6	Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển	CG1	750
7	Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển		

a	Quan điểm tổng thể về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	150
b	Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường	CG1	350
c	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	150
8	Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	150
9	Định hướng tổ chức không gian phát triển		
a	Xác định các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia; các hành lang kinh tế	CG1	390
b	Xác định khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển.	CG1	390
10	Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia	CG1	390
11	Định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu	CG1	150
12	Định hướng phát triển không gian biển		
a	Định hướng phát triển đối với vùng biển và vùng đất ven biển	CG1	150
b	Định hướng phát triển đối với hải đảo	CG1	150
c	Định hướng phát triển các ngành kinh tế biển	CG1	150
13	Định hướng sử dụng đất quốc gia		
a	Xây dựng nguyên tắc định hướng sử dụng đất	CG1	100
b	Định hướng sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, gồm: đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh đến từng vùng	CG1	200
14	Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng		
a	Định hướng phát triển cho từng vùng;	CG1	250
b	Định hướng liên kết hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng	CG1	250
14	Định hướng phát triển hệ thống đô thị		
	Định hướng tổng thể về phát triển hệ thống đô thị;	CG1	250
	Định hướng phát triển và phân bố các vùng đô thị lớn;	CG1	250
	Định hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).	CG1	100
15	Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia chủ yếu		
a	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	CG1	100

b	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt	CG1	100
c	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông	CG1	100
d	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hệ thống công trình phòng, chống thiên tai và hệ thống thủy lợi	CG1	100
đ	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	100
e	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và quan trắc môi trường quốc gia	CG1	100
g	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	100
h	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng	CG1	100
16	Định hướng phát triển hạ tầng xã hội cấp quốc gia chủ yếu		
a	Phân bố và tổ chức không gian phát triển các cơ sở báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử	CG1	100
b	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao	CG1	100
c	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập	CG1	100
d	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm	CG1	100
đ	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	CG1	100
e	Phân bố và tổ chức không gian cơ sở giáo dục nghề nghiệp	CG1	100
g	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	CG1	100
h	Phân bố và tổ chức không gian phát triển mạng lưới cơ sở y tế	CG1	100
i	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống du lịch quốc gia	CG1	100
k	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	100
l	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống kho dự trữ quốc gia	CG1	100

17	Định hướng bảo vệ môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học		
a	Phân vùng môi trường trên địa bàn cả nước	CG1	100
b	Xác định các mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; định hướng các khu vực thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	100
c	Định hướng quản lý chất thải cấp quốc gia	CG1	100
d	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia	CG1	100
18	Định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên địa chất, khoáng sản, tài nguyên thủy sản		
	Định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước	CG1	100
	Định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng	CG1	100
	Định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản	CG1	100
	Định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên thủy sản	CG1	100
19	Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
a	Xác định các khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng	CG1	150
b	Phân vùng rủi ro thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước biển dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đá, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn	CG1	100
20	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1	120
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	120
c	Giải pháp về môi trường	CG1	120
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	120
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	120
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	120
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	120
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	150
21	Xây dựng hệ thống sơ đồ đồ, sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	90
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian	CG1	150

	cấp quốc gia		
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa Việt Nam với khu vực và thế giới	CG1	100
b.2	Các bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư, hệ thống kết cấu hạ tầng quan trọng cấp quốc gia và liên vùng	CG1	150
b.3	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	CG1	150
b.4	Sơ đồ định hướng tổ chức không gian phát triển	CG1	150
b.5	Sơ đồ định hướng phân vùng và liên kết vùng	CG1	150
b.6	Sơ đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia	CG1	150
b.7	Sơ đồ định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia	CG1	150
b.8	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia	CG1	150
b.9	Sơ đồ định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia	CG1	150
b.10	Sơ đồ định hướng bảo vệ môi trường quốc gia	CG1	150
b.11	Sơ đồ định hướng phòng chống, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	150
b.12	Sơ đồ định hướng phát triển không gian quốc gia	CG1	150
b.13	Sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc gia	CG1	150
22	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	500
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	90
23	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG1	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG1	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG1	100
24	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	250
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	100

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH KHÔNG GIAN
BIỂN QUỐC GIA

*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)*

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ lập quy hoạch		
a	Thu thập, tập hợp và xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu hiện có liên quan tại các Bộ ngành và địa phương có biển	CG2	820
b	Điều tra khảo sát thực địa để thu thập bổ sung những thông tin, dữ liệu còn thiếu phục vụ lập quy hoạch (không bao gồm chi phí thuê phương tiện, thiết bị phục vụ điều tra, khảo sát)	CG2	300
c	Tổng hợp, viết báo cáo tổng hợp về kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ lập quy hoạch	CG2	40
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam		
a	Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên và thực trạng tài nguyên, môi trường trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển và hải đảo của Việt Nam		
a.1	Phân tích, đánh giá các đặc điểm về địa hình, địa mạo của các vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	160
a.2	Phân tích, đánh giá các đặc điểm về khí tượng, thủy hải văn trên các vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	180
a.3	Phân tích, đánh giá thực trạng tính đa dạng sinh học và các tài nguyên sinh vật trên các vùng cửa sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	180
a.4	Phân tích, đánh giá thực trạng các hệ sinh thái, khu bảo tồn, vườn quốc gia và các sinh cảnh biển khác trên các vùng cửa sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	180
a.5	Phân tích, đánh giá thực trạng các tài nguyên đất (bao gồm đất ven biển, đất ngập nước, đất bãi bồi, đất bãi triều) trên các vùng cửa sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	180
a.6	Phân tích, đánh giá thực trạng các tài nguyên nước (bao gồm tài nguyên nước mặt và nước dưới đất) trên các vùng cửa sông, vùng ven biển, vùng biển và hải	CG1	180

	đảo của Việt Nam		
a.7	Phân tích, đánh giá thực trạng tài nguyên rừng trên các vùng ven biển, biển ven bờ và hải đảo của Việt Nam	CG1	180
a.8	Phân tích, đánh giá thực trạng của các tài nguyên khoáng sản trên các vùng cửa sông, vùng đất ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam.	CG1	160
a.9	Phân tích, đánh giá thực trạng các tài nguyên liên quan đến di tích, di sản và các giá trị văn hóa – lịch sử trên các vùng ven biển, biển ven bờ và hải đảo của Việt Nam	CG1	110
a.10	Phân tích, đánh giá thực trạng các tài nguyên khoáng sản có tiềm năng, vị thế trên các vùng cửa sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	160
a.11	Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường trên các vùng đất ven biển, vùng biển và hải đảo của Việt Nam.	CG1	150
a.12	Xử lý, tổng hợp đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động	CG1	75
b	Phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng không gian biển của các hoạt động trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển biển và hải đảo của Việt Nam		
b.1	Phân tích, đánh giá về đặc điểm kinh tế - xã hội ở vùng bờ và hải đảo thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (bao gồm dân số, lao động, giới tính, văn hóa, tôn giáo, dân tộc, cơ cấu các ngành kinh tế, sinh kế và các đặc điểm khác)	CG1	250
b.2	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình biển	CG1	200
b.3	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển du lịch và dịch vụ	CG1	200
b.4	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển công nghiệp và năng lượng	CG1	200
b.5	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển nông nghiệp và thủy hải sản	CG1	200
b.6	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển giao thông vận tải, cảng và dịch vụ cảng	CG1	180
b.7	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho phát triển đô thị và hạ tầng đô thị	CG1	150
b.8	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho việc bảo tồn, bảo vệ các hệ sinh thái, tài nguyên sinh vật các các giá trị tự nhiên, văn hóa – lịch sử	CG1	120
b.9	Phân tích, đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển cho các mục đích quốc phòng – an ninh, nghiên cứu khoa học và các hoạt	CG1	120

	động khác		
b.10	Xử lý, tổng hợp đánh giá thực trạng sử dụng không gian biển	CG1	100
c	Đánh giá, xác định tính tương thích và mâu thuẫn trong mỗi vùng không gian biển giữa các hoạt động		
c.1	Đánh giá, xác định tính tương thích và mâu thuẫn giữa các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với hoạt động bảo tồn, bảo vệ các hệ sinh thái, tài nguyên biển	CG1	170
c.2	Đánh giá, xác định tính tương thích và mâu thuẫn giữa các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mục đích quốc phòng – an ninh	CG1	180
c.3	Đánh giá, xác định tính tương thích và mâu thuẫn giữa các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với nhau	CG1	180
c.4	Xử lý, tổng hợp đánh giá, xác định tính tương thích và mâu thuẫn trong mỗi vùng không gian biển giữa các hoạt động	CG1	75
d	Phân tích, đánh giá thực trạng về thể chế, chính sách và pháp luật hiện hành trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường không gian biển		
d.1	Phân tích, đánh giá về chính sách, pháp luật hiện hành có liên quan đến việc khai thác sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	150
d.2	Phân tích, đánh giá về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý hiện hành có liên quan đến việc khai thác sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	150
d.3	Rà soát, đánh giá về các cam kết, công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có liên quan đến Biển Đông	CG1	110
d.4	Xử lý, tổng hợp đánh giá thực trạng về thể chế, chính sách và pháp luật hiện hành trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường không gian biển	CG1	75
3	Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức đối với các hoạt động sử dụng tài nguyên biển và hải đảo		
a	Dự báo xu thế phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, quan hệ quốc tế trên thế giới và khu vực tác động tới các hoạt động sử dụng tài nguyên biển và hải đảo	CG1	125
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố về bảo đảm quốc phòng, an ninh	CG1	61
c	Phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các hoạt động sử dụng tài nguyên biển và hải đảo	CG1	160
d	Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu	CG1	250
3	Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển		
a	Xây dựng quan điểm sử dụng không gian biển, khai	CG1	150

	thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển, bảo vệ môi trường vùng bờ		
b	Xác định mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và cho tầm nhìn 30 năm	CG1	290
c	Xác định các mục tiêu cụ thể về sử dụng không gian biển và khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi không gian biển trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	290
d	Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá trong việc khai thác, sử dụng không gian biển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
4	Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, hải đảo, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam		
a	Xác định các vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng đất ven biển, các đặc khu, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam	CG1	215
b	Xác định các vùng khuyến khích phát triển trong vùng đất ven biển, các đặc khu, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam	CG1	215
c	Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, vùng biển, các đặc khu	CG1	250
5	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách quản lý không gian biển;	CG1	120
b	Giải pháp về môi trường	CG1	120
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	120
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1	120
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	120
e	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1	120
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	120
h	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	120
i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	120
6	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	350
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	60
7	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:4.000.000		
	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa Việt Nam với khu vực và thế giới	CG1	150
b	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:100.000 - 1:1.000.000		
b.1	Các sơ đồ về hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư, hệ thống kết cấu hạ tầng quan trọng trong phạm vi không gian biển	CG1	125

b.2	Sơ đồ định hướng khai thác và sử dụng tài nguyên trong phạm vi không gian biển	CG1	125
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi không gian biển	CG1	125
b.4	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội trong phạm vi không gian biển	CG1	125
b.5	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên vùng đất ven biển và các đảo	CG1	125
b.6	Sơ đồ định hướng phân vùng sử dụng không gian biển quốc gia	CG1	125
b.7	Sơ đồ định hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học không gian biển quốc gia	CG1	125
b.8	Sơ đồ định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong phạm vi không gian biển quốc gia	CG1	220
b.9	Sơ đồ định hướng tổ chức không gian biển quốc gia		
c	Xử lý tích hợp bản đồ vào hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia	CG1	100
13	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	150
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	150
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	100
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	250
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	100

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
QUỐC GIA

*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)*

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu		
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1	350
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	70
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	160
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	CG1	270
b	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất; phát triển đô thị và phát triển nông thôn	CG1	250
c	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.	CG1	90
d	Phân tích đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất, biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất;	CG1	280
đ	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước trên cơ sở các chỉ tiêu quy hoạch	CG1	270
d	Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai trong lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực phi nông nghiệp và tiềm năng của nhóm đất chưa sử dụng	CG1	280
3	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch		
a	Biến động sử dụng đất nông nghiệp	CG1	130
b	Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp	CG1	140
c	Biến động đất chưa sử dụng	CG1	70
4	Xác định các quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch		

a	Xác định các quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch của nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia	CG1	120
b	Xác định các quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	CG1	150
5	Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch		
a	Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất 30 năm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội	CG1	250
b	Định hướng sử dụng đất nông nghiệp đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	350
c	Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	550
d	Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	85
6	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh.	CG1	550
7	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;	CG1	90
	Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất;	CG1	75
	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	CG1	90
8	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:100.000 - 1:1.000.000		
a.1	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia.	CG1	200
a.2	Sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc gia.	CG1	200
a.3	Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia.	CG1	200
b	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 - 1:250.000	CG1	200
	Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo vùng.	CG1	200
c	Xử lý tích hợp bản đồ vào hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia	CG1	50
8	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50

9	Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và tích hợp vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG1	80
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG1	80
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG1	60
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	250
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	100

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH NGÀNH

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

1. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng giao thông	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	127
d	Xử lý thông tin	CG2	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển mạng lưới đường bộ		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển mạng lưới đường bộ	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển mạng lưới đường bộ	CG2	53
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên	CG1	83
4	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới đường bộ gồm đường cao tốc và đường quốc lộ	CG1	132
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố và sử dụng mạng lưới đường cao tốc, đường quốc lộ		
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong nước và quốc tế	CG1	66
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới đường bộ với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng.	CG1	66
6	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới đường bộ;	CG2	110
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch.	CG2	110

7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới đường bộ; những cơ hội và thách thức trong phát triển mạng lưới đường bộ.		
a	Xác định các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, gồm nhu cầu vận tải, phương thức vận tải, ứng dụng công nghệ và phương tiện mới trong giao thông vận tải	CG1	82
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức phát triển ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch.	CG1	65
8	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển mạng lưới đường bộ	CG1	105
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	42
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	101
9	Định hướng phát triển mạng lưới đường bộ		
a	Định hướng về quy mô, chiều dài dự kiến và việc kết nối của mạng lưới đường bộ trên phạm vi cả nước và của từng vùng;	CG1	200
b	Định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới đường bộ;	CG1	250
c	Định hướng kết nối với các phương thức vận tải của mạng lưới đường bộ trong nước và quốc tế.	CG1	150
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới đường bộ.	CG1	270
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch:		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành	CG1	52
c	Giải pháp về môi trường	CG1	50
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	53
đ	Giải pháp về quản lý khai thác mạng lưới đường bộ trước rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	CG1	83
e	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	47
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	52
h	Giải pháp về tổ chức thực hiện	CG1	32
i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	40
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		

	sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng đường bộ quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	38
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng đường bộ quốc gia	CG2	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ quốc gia	CG1	104
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường bộ quốc gia	CG2	155
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường bộ quốc gia	CG1	70
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

2. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng đường sắt	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	127
d	Xử lý thông tin	CG2	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển mạng lưới đường sắt		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển mạng lưới đường sắt	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển mạng lưới đường sắt	CG2	53

3	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên	CG2	83
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển mạng lưới đường sắt quốc gia; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp đường sắt và việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển mạng lưới đường sắt.	CG1	132
5	Đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng mạng lưới đường sắt		
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới đường sắt với các phương thức vận tải khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng;	CG2	70
b	Phân tích đánh giá sự liên kết, đồng bộ giữa mạng lưới đường sắt trong nước với quốc tế; giữa mạng lưới đường sắt quốc gia với hệ thống đường sắt đô thị của các đô thị trực thuộc trung ương, các tỉnh, thành phố (nếu có);	CG2	40
c	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới đường sắt với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng.	CG2	50
6	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới đường sắt	CG1	140
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	148
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới đường bộ; những cơ hội và thách thức trong phát triển mạng lưới đường sắt.	CG1	147
8	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển mạng lưới đường sắt	CG1	105
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	42
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	101
8	Định hướng phát triển mạng lưới đường sắt		
a	Định hướng về quy mô, chiều dài dự kiến và việc kết nối của mạng lưới đường bộ trên phạm vi cả nước và của từng vùng;	CG1	200
b	Định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới đường sắt;	CG1	250

c	Định hướng kết nối với các phương thức vận tải của mạng lưới đường bộ trong nước và quốc tế.	CG1	150
d	Định hướng phát triển khu vực TOD tại các ga đường sắt thuộc mạng lưới đường sắt quốc gia; đường sắt địa phương (nếu có).	CG1	180
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới đường sắt.	CG1	270
10	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch:		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành	CG1	52
c	Giải pháp về môi trường	CG1	50
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	53
đ	Giải pháp về quản lý khai thác và bảo đảm an toàn đối với mạng lưới đường sắt trước rủi ro thiên tai và bối cảnh biến đổi khí hậu	CG1	83
e	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	47
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	52
h	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	32
i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	40
11	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	38
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	CG2	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	CG1	104
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	CG2	155
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	CG1	70
12	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
13	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40

b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

3. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng hàng hải	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	127
d	Xử lý thông tin	CG2	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hạ tầng hàng hải		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	53
3	Phân tích đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên	CG2	83
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống cảng biển	CG2	110
5	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của kết cấu hạ tầng cảng biển		
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cảng biển với các phương thức vận tải khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng;	CG2	70
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cảng biển với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng	CG2	40
c	Phân tích hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển và dịch vụ cảng biển	CG2	50
4	Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hệ thống cảng biển	CG1	140

b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG2	110
5	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống cảng biển; những cơ hội và thách thức trong phát triển hệ thống cảng biển	CG1	147
6	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển hệ thống cảng biển	CG1	105
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	43
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	100
7	Định hướng phát triển hệ thống cảng biển		
a	Xác định tiêu chí hoạch định phân nhóm và phân loại nhóm cảng biển	CG1	50
b	Xác định chức năng, định hướng quy mô phát triển các nhóm cảng biển	CG1	100
c	Định hướng phân bố không gian phát triển và giao thông kết nối các nhóm cảng biển trên phạm vi vùng và cả nước;	CG1	250
d	Xác định định hướng cải tạo, nâng cấp luồng hải hàng trên phạm vi vùng và cả nước	CG1	100
đ	Xác định định hướng về đề xuất phương án nâng cấp, di dời, chuyển đổi công năng	CG1	100
e	Xác định định hướng phát triển công nghiệp tàu thủy và phá dỡ tàu cũ	CG1	100
8	Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển hệ thống cảng biển	CG1	270
9	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành	CG1	52
c	Giải pháp về môi trường	CG1	53
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	50
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	47
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	52
g	Giải pháp về quản lý khai thác và bảo đảm an toàn đối với hệ thống cảng biển trước rủi ro thiên tai và bối cảnh biến đổi khí hậu	CG1	220
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng	CG1	38

	hàng hải quốc gia với khu vực và quốc tế		
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng hàng hải quốc gia	CG2	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải quốc gia	CG1	104
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng hàng hải quốc gia	CG2	155
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng hàng hải quốc gia	CG1	70
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
12	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
13	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

4. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẢNG HÀNG KHÔNG TOÀN QUỐC (KHÔNG BAO GỒM CẢNG HÀNG KHÔNG CHUYÊN DÙNG)

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống cảng hàng không	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	127
d	Xử lý thông tin	CG2	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hệ thống cảng hàng không		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	53
3	Phân tích đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên	CG2	83

4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống cảng hàng không toàn quốc		
a	Hiện trạng phân bố và sử dụng không gian hệ thống cảng hàng không và từng cảng hàng không	CG2	70
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cảng hàng không toàn quốc với các phương thức vận tải khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng	CG2	40
c	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cảng hàng không toàn quốc với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và của từng vùng	CG2	50
4	Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch		
a	Dự báo xu thế phát triển của ngành hàng không trên thế giới	CG1	50
b	Dự báo xu thế phát triển của ngành hàng không Việt Nam	CG1	50
c	Dự báo nhu cầu vận chuyển bằng hàng không	CG1	70
5	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc; những cơ hội và thách thức trong phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc	CG1	147
6	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc	CG1	105
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	43
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	100
7	Định hướng phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc		
a	Định hướng phân bố không gian mạng đường bay; xác định tính chất, vai trò cảng hàng không; xác định công suất cảng hàng không, cấp sân bay	CG1	250
b	Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa hệ thống cảng hàng không trong nước và quốc tế	CG1	150
c	Định hướng kết nối giữa hệ thống cảng hàng không với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác	CG1	100
7	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc	CG1	270
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	52
c	Giải pháp về môi trường, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	103

d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	47
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	52
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	52
9	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	38
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc gia	CG2	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc gia	CG1	104
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc gia	CG2	155
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng cảng hàng không quốc gia	CG1	70
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
11	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

5. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây	CG2	42

	dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)		
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	127
d	Xử lý thông tin	CG2	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hạ tầng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	53
3	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG2	83
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG2	110
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa		
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong nước với quốc tế	CG2	66
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG2	66
6	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	140
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	148
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, gồm nhu cầu vận tải, phương thức vận tải, ứng dụng công nghệ và phương tiện mới trong kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	82
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức trong phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong thời kỳ quy hoạch	CG1	65
8	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	105

b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	43
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	100
9	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa		
a	Định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; xác định quy mô, mạng lưới luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	250
b	Xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	200
c	Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong nước và quốc tế	CG1	150
d	Định hướng kết nối kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác	CG1	100
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	CG1	270
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành	CG1	52
c	Giải pháp về môi trường	CG1	53
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	50
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	47
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	52
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện	CG1	32
13	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	38
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia	CG1	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia	CG1	104
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia	CG1	155
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia	CG1	70

14	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
15	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

6. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ VỀ NĂNG LƯỢNG

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị sơ đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	56
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về ngành KCHT được lập quy hoạch	CG2	205
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	173
d	Xử lý thông tin	CG2	157
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hạ tầng năng lượng		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	138
3	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến an ninh năng lượng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia		
a	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến an ninh năng lượng	CG2	150
b	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia		

b.1	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực	CG1	60
b.2	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khai thác và chế biến than	CG1	60
b.3	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng dầu khí	CG1	60
b.4	Phân tích, đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng khác	CG1	60
4	Phân tích, đánh giá thực trạng kỹ thuật và công nghệ của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG1	160
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng năng lượng quốc gia		
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia theo vùng kinh tế - xã hội và trong phạm vi cả nước	CG1	230
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng năng lượng trong nước với quốc tế	CG1	163
c	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trên phạm vi vùng lãnh thổ.	CG1	200
6	Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hạ tầng năng lượng	CG1	117
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	117
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia, những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Dự báo nhu cầu phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình thay thế, công nghệ, kỹ thuật xây dựng và vận hành	CG1	270
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	265
8	Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	95
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	95
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	100
9	Định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ		

a	Định hướng phân bố, sử dụng không gian phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia đảm bảo liên kết ngành và liên kết vùng	CG1	418
b	Định hướng quy mô công trình và yêu cầu công nghệ của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	250
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	302
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	148
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	92
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	120
d	Giải pháp về môi trường: các biện pháp bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy năng lượng sạch và giảm phát thải khí nhà kính	CG1	120
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	92
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	131
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	92
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ quy hoạch		
a	Xây dựng hệ thống sơ đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp sơ đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, sơ đồ số và sơ đồ, sơ đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	45
b.2	Sơ đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG2	250
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG1	165
b.4	Sơ đồ bố trí không gian các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư của ngành	CG1	130
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG2	113
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG1	130
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	300
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	60

b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	60
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	45
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

7. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị sơ đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng điện lực	CG2	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	87
d	Xử lý thông tin	CG2	98
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có ảnh hưởng đến phát triển điện lực		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	95
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	115
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phát triển điện lực		
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2	110
b	Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2	145
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng điện lực		
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia		
c.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng nguồn điện (các nhà máy điện có quy mô công suất tương ứng với công trình cấp III trở lên)	CG2	200
c.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không	CG2	260

	gian của hạ tầng phân phối điện (hệ thống lưới điện 500 kV, 220 kV, 110 kV)		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực trong nước với các nước trong khu vực	CG2	65
b	Phân tích, đánh giá, làm rõ mối liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG2	94
5	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển điện lực	CG1	60
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	60
6	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, xác định những cơ hội và thách thức phát triển của ngành điện lực		
a	Dự báo nhu cầu điện theo địa phương, vùng lãnh thổ và toàn quốc	CG1	152
b	Đánh giá các nguồn năng lượng sơ cấp, năng lượng tái tạo cho phát điện và các năng lượng khác; khả năng khai thác, khả năng xuất nhập khẩu điện; đánh giá khả năng trao đổi điện giữa các vùng lãnh thổ	CG1	79
c	Phân tích, đánh giá tiềm năng và lợi thế, cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển điện lực quốc gia	CG1	50
7	Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển điện lực quốc gia trong thời kỳ quy hoạch		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	105
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	146
8	Phương án phát triển điện lực quốc gia		
a	Xây dựng phương án phát triển nguồn điện	CG1	133
b	Xây dựng phương án phát triển lưới điện	CG1	178
c	Xây dựng phương án liên kết lưới điện khu vực	CG1	95
d	Xây dựng định hướng phát triển điện nông thôn	CG1	178
đ	Xây dựng mô hình tổ chức quản lý ngành điện	CG1	133
e	Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các phương án, chương trình phát triển điện lực quốc gia.	CG1	87
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng điện lực	CG1	92
10	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp bảo đảm an ninh cung cấp điện	CG1	67
b	Giải pháp tạo nguồn vốn và huy động vốn đầu tư phát	CG1	105

	triển ngành điện		
c	Giải pháp về pháp luật, chính sách	CG1	82
d	Giải pháp về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai	CG1	95
đ	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	57
e	Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả	CG1	67
g	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	57
h	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	47
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	97
k	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	67
11	Xây dựng hệ thống sơ đồ, sơ đồ số và sơ đồ, sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống sơ đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp sơ đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, sơ đồ số và sơ đồ, sơ đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	38
b.2	Sơ đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG1	218
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG1	104
b.4	Sơ đồ bố trí không gian các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư của ngành	CG1	75
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2	155
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG1	70
12	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
13	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	35
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch	CG1	
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

8. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HẠ TẦNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	74
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1	269
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2	107
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu môi trường bên ngoài lãnh thổ, ngành được lập quy hoạch		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	79
b	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	79
c	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	33
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	260
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	97
b	Phân tích, đánh giá các điều kiện về tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	87
c	Phân tích, đánh giá các yếu tố về chính trị tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	97
d	Phân tích, đánh giá các yếu tố về kinh tế - xã hội tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	97
đ	Phân tích, đánh giá các yếu tố về quốc phòng-an ninh tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	93
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt		
a	Thực trạng hệ thống kho cảng xăng dầu đầu mối, kho xăng dầu dự trữ chiến lược và dự trữ lưu thông, hệ thống tuyến ống xăng dầu trên phạm vi cả nước	CG2	90
b	Phân tích, đánh giá thực trạng về phân bố, sử dụng không gian của dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	90

c	Phân tích làm rõ những ưu thế và hạn chế của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt trong nước với quốc tế	CG2	100
d	Đánh giá sự liên kết giữa hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	100
5	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	98
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG2	100
6	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia, những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Dự báo nhu cầu phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình thay thế, công nghệ, kỹ thuật xây dựng và vận hành	CG1	94
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	137
c	tổng hợp về xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia những cơ hội và thách thức phát triển	CG1	62
7	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	95
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	108
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	56
8	Định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ		
a	Luận chứng phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	136
b	Định hướng phân bố, sử dụng không gian phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia đảm bảo liên kết ngành và liên kết vùng	CG1	136
c	Xác định quy mô công trình, địa điểm và hướng, tuyến dự kiến bố trí công trình hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	136

d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ	CG1	69
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1	300
a	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn cả nước và theo vùng lãnh thổ	CG1	84
b	Xây dựng các chương trình, hoạt động đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	84
c	Dự báo các kịch bản biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	84
d	Dự báo các kịch bản bảo vệ môi trường, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	84
đ	Xây dựng báo cáo tổng hợp về định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và các hoạt động bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	39
10	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	56
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	56
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	56
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	56
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	56
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	56
g	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	37
11	Xây dựng hệ thống sơ đồ		
a	Xây dựng hệ thống sơ đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp sơ đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, sơ đồ số và sơ đồ, sơ đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	50
b.2	Sơ đồ hiện trạng hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	111

b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	126
b.4	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2	126
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1	126
12	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	200
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	30
13	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	50
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	50
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	35
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

9. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị sơ đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra, ...)	CG2	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về KCHT thông tin và truyền thông	CG2	150
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	57
d	Xử lý thông tin	CG2	87
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có ảnh hưởng đến phát triển điện lực		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông		
a	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2	87

b	Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng tới phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2	113
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, phân bố, sử dụng không gian hạ tầng thông tin và truyền thông hạ tầng thông tin và truyền thông.		
c.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng viễn thông	CG2	60
c.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình	CG2	80
c.3	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng bưu chính công cộng	CG2	45
c4	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng thông tin và truyền thông trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng thông tin và truyền thông trong nước với quốc tế	CG1	50
c5	Đánh giá sự liên kết giữa giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với các hạ tầng khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	45
6	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển	CG2	152
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng thông tin và truyền thông, những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Dự báo nhu cầu thông tin và truyền thông về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình phương tiện thay thế, công nghệ và vận hành	CG1	73
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông	CG1	66
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	120
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	140
9	Xây dựng phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia trên phạm vi cả nước		
a	Xác định phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông	CG1	123
b	Xác định phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình	CG1	133
c	Xác định phương án phát triển mạng bưu chính công cộng	CG1	47
d	Xác định phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin	CG1	50

đ	Xác định phương án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh	CG1	103
e	Xác định các chỉ tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ quy hoạch	CG1	92
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG1	140
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về phát triển nguồn lực	CG1	70
b	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	47
c	Giải pháp về huy động vốn và phân bổ vốn đầu tư	CG1	65
d	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	120
đ	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	37
e	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	52
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống sơ đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	40
a.2	Xử lý, chồng lớp sơ đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	80
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, sơ đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	35
b.2	sơ đồ hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2	140
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG1	85
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia (nếu có)	CG2	100
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG1	84
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	200
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	20
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20

b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

10. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HỆ THỐNG DU LỊCH

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	74
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1	350
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2	107
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	82
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2	79
b	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2	59
c	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	33
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến hệ thống du lịch quốc gia		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến hệ thống du lịch quốc gia	CG2	99
b	Phân tích, đánh giá vị trí, vai trò, lợi thế của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia	CG2	99
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường quốc gia	CG2	99
d	Phân tích, đánh giá thị trường du lịch Việt Nam, bối cảnh thị trường du lịch của khu vực và quốc tế	CG2	99
đ	Phân tích, đánh giá các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội khác của cả nước và của vùng tác động đến quy hoạch phát triển du lịch trong thời kỳ quy hoạch và tương lai	CG2	99
e	Phân tích khả năng thu hút đầu tư và nguồn lực phát triển du lịch	CG2	99
g	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến hệ thống du lịch quốc gia	CG1	53
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bổ, sử dụng không gian hạ tầng du lịch		

a	Phân tích xác định nhu cầu phát triển hệ thống du lịch quốc gia và theo vùng lãnh thổ phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch thế giới	CG2	99
b	Phân tích, đánh giá thực trạng về phân bố, sử dụng không gian của tài nguyên du lịch	CG2	99
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hạ tầng phục vụ phát triển du lịch và khả năng đáp ứng với yêu cầu phát triển du lịch quốc tế	CG2	99
d	Dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển quốc gia của hệ thống hạ tầng du lịch	CG1	105
đ	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống du lịch trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng du lịch trong nước và quốc tế	CG1	55
e	Đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng du lịch với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	55
g	Xây dựng báo cáo tổng hợp hiện trạng phát triển, phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng du lịch	CG1	99
5	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hạ tầng du lịch	CG2	102
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG2	51
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về dự báo xu thế phát triển, các nguồn lực phát triển	CG2	51
6	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng du lịch, những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định nhu cầu phát triển hệ thống du lịch trên cả nước và theo vùng lãnh thổ phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	CG2	101
b	Đánh giá khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch so với yêu cầu phát triển	CG2	113
c	Phân tích, đánh giá các cơ hội, thách thức trong phát triển hệ thống du lịch quốc gia	CG2	113
d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng du lịch, những cơ hội và thách thức phát triển	CG1	61
7	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	100

b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	100
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	50
8	Định hướng phát triển hạ tầng du lịch trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch, hệ thống khu du lịch quốc gia; giải pháp phát triển kiến trúc và cảnh quan	CG1	110
b	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quốc gia	CG1	110
c	Định hướng phát triển thị trường du lịch và các sản phẩm du lịch chủ yếu	CG1	110
d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phương án phát triển hạ tầng du lịch trên phạm vi cả nước	CG1	48
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống du lịch		
a	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn cả nước và theo vùng lãnh thổ	CG1	86
b	Dự kiến địa điểm, quy mô diện tích, phạm vi ranh giới và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật với các khu vực thuộc hệ thống du lịch quốc gia	CG1	86
10	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	56
b	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	56
c	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	56
d	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch	CG1	56
đ	Giải pháp về môi trường	CG1	56
e	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1	56
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	37
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	56
h	Xây dựng báo cáo tổng hợp các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	37
11	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		

b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hạ tầng du lịch quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	105
b.2	Sơ đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng du lịch quốc gia	CG2	119
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng du lịch quốc gia	CG1	119
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng du lịch quốc gia (nếu có)	CG2	119
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng du lịch quốc gia (nếu có)	CG1	119
12	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	350
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
13	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	55
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	55
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	35
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

11. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO CÔNG LẬP

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	30
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	126
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	110
d	Xử lý thông tin	CG2	110
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	126
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	80

3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	140
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	90
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập trong phạm vi cả nước	CG1	60
c	Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	60
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	60
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	60
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	110
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập trong thời kỳ quy hoạch	CG2	60
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	60
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	60
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	100
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	120
9	Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	160
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở văn hóa và thể thao công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp	CG1	160

	tỉnh		
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	80
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	120
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	70
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	50
c	Giải pháp về môi trường	CG1	60
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	60
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	60
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	60
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	60
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	100
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	80
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	40
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	60
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in	CG1	
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	55
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	110
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng	CG1	
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập với khu vực và quốc tế	CG1	60
b.2	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	80
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	80
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG2	80
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập	CG1	90
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	60
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40

c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

12. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	45
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	195
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	170
d	Xử lý thông tin	CG2	170
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	195
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	120
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG1	220
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG1	130
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập trong phạm vi cả nước	CG1	90
c	Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	90

d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG1	90
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG1	90
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	170
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập trong thời kỳ quy hoạch	CG2	
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	90
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	90
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	150
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	180
9	Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	250
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	250
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	120
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	CG1	180

	công lập		
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	100
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	84
c	Giải pháp về môi trường	CG1	84
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	84
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	84
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	84
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	84
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	150
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	120
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	50
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	80
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in	CG1	
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	80
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	160
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng	CG1	
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập với khu vực và quốc tế	CG1	90
b.2	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	120
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	130
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG2	130
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập	CG1	140
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	400
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	100
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	50
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	50

c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	30
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	50

13. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI CÔNG LẬP

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	25
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	90
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	80
d	Xử lý thông tin	CG2	80
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	90
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	60
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	105
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	70
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập trong phạm vi cả nước	CG1	45
c	Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	45
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	45
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	45

6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	80
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập trong thời kỳ quy hoạch	CG2	40
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	45
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	45
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	70
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	90
9	Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	120
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	120
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	60
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	90
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	50
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	40
c	Giải pháp về môi trường	CG1	40

d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	40
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	40
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	40
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	40
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	75
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	55
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	30
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	40
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in	CG1	
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	40
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	80
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng	CG1	
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập với khu vực và quốc tế	CG1	40

b.2	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	60
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	60
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG2	60
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập	CG1	70
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	180
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	20
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

14. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG LẬP QUY HOẠCH QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	40
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	120
2	Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên	CG1	220
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG2	245

4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên phạm vi cả nước	CG1	180
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	180
5	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	100
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch.	CG1	150
6	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong kỳ quy hoạch	CG1	285
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	120
7	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	90
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	90
8	Định hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá		
a	Phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão về quy mô, mạng lưới luồng, tuyến	CG1	150
b	Xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, công suất, định hướng khai thác sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ gắn với phân cấp, phân loại theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng công trình trong hệ thống kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	CG1	250
c	Phương án kết nối giữa hệ thống kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác có liên quan;	CG1	200
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	250

10	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về vốn đầu tư;	CG1	65
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	65
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	65
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;	CG1	65
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;	CG1	65
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	65
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	6
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.		
11	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:4.000.000		
a.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2	90
b	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:25.000 - 1:250.000		
b.1	Sơ đồ hiện trạng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	130
b.2	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1	120
12	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
13	Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và tích hợp vào báo cáo quy hoạch	CG1	120
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

15. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	35
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	150
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	130
d	Xử lý thông tin	CG2	130
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập		

a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	130
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	90
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	170
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở y tế công lập		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	105
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở y tế công lập trong phạm vi cả nước	CG1	70
c	Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở y tế công lập với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	70
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	70
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	70
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	130
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập trong thời kỳ quy hoạch	CG2	70
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới cơ sở y tế công lập; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	70
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	70
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	120

b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	140
9	Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở y tế công lập quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	190
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	190
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	95
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	140
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	80
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	60
c	Giải pháp về môi trường	CG1	70
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	70
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	70
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	60
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	70
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	120
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	95
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	45
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	70
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in	CG1	
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	65
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	130
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng	CG1	
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của mạng lưới cơ sở y tế công lập với khu vực và quốc tế	CG1	70
b.2	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	95
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	100
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG2	100

b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của mạng lưới cơ sở y tế công lập	CG1	110
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	300
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	70
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

16. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HỆ THỐNG KHO DỰ TRỮ

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống kho dự trữ	CG2	115
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	100
d	Xử lý thông tin	CG2	100
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống kho dự trữ		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển hệ thống kho dự trữ	CG2	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống kho dự trữ	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống kho dự trữ	CG1	130
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kho dự trữ		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của hệ thống kho dự trữ	CG1	80
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kho dự trữ trong	CG1	55

	phạm vi cả nước		
c	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kho dự trữ với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	55
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hệ thống kho dự trữ	CG1	55
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống kho dự trữ	CG1	55
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hệ thống kho dự trữ	CG2	102
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển hệ thống kho dự trữ trong thời kỳ quy hoạch	CG2	51
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống kho dự trữ; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống kho dự trữ trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	55
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của hệ thống kho dự trữ	CG2	55
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	110
9	Định hướng phát triển hệ thống kho dự trữ trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc hệ thống kho dự trữ quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	148
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	148
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	73
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống kho dự trữ	CG1	110
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	63
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	48
c	Giải pháp về môi trường	CG1	53
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	CG1	53

	chuyển đổi số		
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	53
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	48
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	53
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	73
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	35
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	53
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống kho dự trữ với khu vực và quốc tế	CG1	51
b.2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống kho dự trữ	CG2	73
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống kho dự trữ	CG2	79
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống kho dự trữ	CG2	75
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống kho dự trữ	CG1	85
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	230
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	25
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

17. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG, KHU QUÂN SỰ, KHO ĐẠN DƯỠC

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		

a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	115
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	100
d	Xử lý thông tin	CG2	100
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	130
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	80
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược trong phạm vi cả nước	CG1	55
c	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	55
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	55
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	55
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	102
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược trong thời kỳ quy hoạch	CG2	51

7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	55
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	55
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	110
9	Định hướng phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	148
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	148
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	73
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	110
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	63
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	48
c	Giải pháp về môi trường	CG1	53
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	53
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	53
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	48
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	53
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	73
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	35
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	53
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và	CG1	50

	định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành		
a.2	Xử lý, chỉnh lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược với khu vực và quốc tế	CG1	51
b.2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	73
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	79
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG2	75
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược	CG1	85
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	230
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	25
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

18. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
----	----------	-------------------------------	------------------------------

1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành công nghiệp quốc phòng		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	30
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về KCHT ngành	CG2	120
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	100
d	Xử lý thông tin	CG2	100
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài tác động đến ngành công nghiệp quốc phòng		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường cho phát triển ngành	CG2	120
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường của ngành	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên tác động đến việc phát triển công nghiệp quốc phòng	CG1	180
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	250
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng trên phạm vi cả nước	CG1	60
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	60
c	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	60
6	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG2	60
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG2	60

7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	60
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	60
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	50
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	60
9	Định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng		
a	Định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	150
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở công nghiệp quốc phòng theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh.	CG1	80
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	110
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	60
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	50
c	Giải pháp về môi trường	CG1	50
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	CG1	50

đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển	CG1	50
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	50
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	50
h	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	70
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	40
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	80
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng với khu vực và quốc tế	CG1	50
b.2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG2	80
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	80
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG2	80
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng	CG1	80
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	60
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		

a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

19. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH CÔNG NGHIỆP AN NINH

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành công nghiệp an ninh		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	30
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về KCHT ngành	CG2	120
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	100
d	Xử lý thông tin	CG2	100
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài tác động đến ngành công nghiệp an ninh		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường cho phát triển ngành	CG2	120
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường của ngành	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên tác động đến việc phát triển công nghiệp an ninh	CG1	180
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	250
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh trên phạm vi cả nước	CG1	60
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	60
c	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	60
6	Dự báo xu thế xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG2	60
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG2	60

7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	60
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	60
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	50
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	60
9	Định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh		
a	Định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	150
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở công nghiệp an ninh theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh.	CG1	80
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển các cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	110
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	60
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	50
c	Giải pháp về môi trường	CG1	50
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	50
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển	CG1	50
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	50
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	50
h	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	70
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	40
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	80
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		

a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh với khu vực và quốc tế	CG1	50
b.2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG2	80
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	80
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG2	80
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh	CG1	80
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	60
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

20. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	115
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	100
d	Xử lý thông tin	CG2	100

2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	70
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	130
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	80
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi cả nước	CG1	55
c	Đánh giá sự liên kết giữa hạ tầng phòng cháy và chữa cháy với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	55
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	55
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	55
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	102
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong thời kỳ quy hoạch	CG2	51
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	55
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	55
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	90
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	110

9	Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc hạ tầng phòng cháy và chữa cháy quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	148
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	148
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	73
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	110
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	63
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	48
c	Giải pháp về môi trường	CG1	53
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	53
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	53
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	48
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	53
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	73
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	35
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	53
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy với khu vực và quốc tế	CG1	51
b.2	Sơ đồ hiện trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	73
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	79
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG2	75
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	CG1	85
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		

a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	230
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	25
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

21. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu về hệ thống đô thị và nông thôn		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu	CG3	68
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia	CG3	68
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG3	158
d	Xử lý thông tin	CG2	150
2	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển đô thị và nông thôn	CG2	200
3	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh tác động đến sự phát triển hệ thống đô thị và nông thôn.	CG1	100
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn	CG1	185
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống đô thị và nông thôn:		
a	Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị trên phạm vi vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và phát triển nông thôn;	CG1	100
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác	CG1	100

c	Phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển và sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển đô thị	CG1	100
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế, các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển tổng thể hệ thống đô thị trong thời kỳ quy hoạch	CG1	90
b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1	100
7	Yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị; những cơ hội và thách thức trong việc phát triển tổng thể hệ thống đô thị		
a	Xác định các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị	CG1	32
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị trong thời kỳ quy hoạch	CG1	82
c	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị	CG1	32
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	25
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	20
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	38
9	Xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ		
a	Xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị của cả nước, từng vùng lãnh thổ phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển	CG1	72
b	Đề xuất, lựa chọn khung phát triển đô thị, bao gồm mạng lưới đô thị trong từng vùng và trên toàn lãnh thổ quốc gia	CG1	54
c	Đề xuất mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội	CG1	82
d	Đề xuất định hướng các vùng phát triển đô thị và phân bố mạng lưới đô thị; phân cấp, phân loại hệ thống đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định các đô thị có vai trò trung tâm cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia	CG1	82
đ	Xác định các vùng, khu vực lãnh thổ dành cho mục tiêu phát triển đô thị trên cả nước và các vùng, theo từng giai đoạn quy hoạch	CG1	82
e	Xác định các nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả; đề xuất các tiêu chuẩn lựa chọn, khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị	CG1	64

g	Định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị	CG1	82
i	Xác định các giải pháp liên kết phát triển giữa các đô thị, giữa phát triển đô thị và phát triển nông thôn	CG1	72
k	Định hướng phát triển các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng, liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị, bao gồm giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, khả năng thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang	CG1	72
10	Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển hệ thống đô thị	CG1	150
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về pháp luật, cơ chế, chính sách	CG1	75
b	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	75
c	Giải pháp về môi trường	CG1	35
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	40
đ	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	75
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện	CG1	75
g	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	30
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1	50
b.2	Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn	CG1	150
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn	CG1	150
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	300
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	150
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	50

22. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH HỆ THỐNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội ngành		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra...)	CG2	25
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	90
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2	80
d	Xử lý thông tin	CG2	80
2	Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu về yếu tố, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có hưởng đến phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	90
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	60
3	Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	105
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển, hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	70
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong phạm vi cả nước	CG1	45
c	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1	45
d	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	45
đ	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	45
6	Dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	80

b	Phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong thời kỳ quy hoạch	CG2	40
7	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; những cơ hội và thách thức phát triển		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1	45
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	45
8	Xác định các quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1	70
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm; mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	90
9	Định hướng phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước		
a	Định hướng phát triển cấu trúc hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh quốc gia; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới	CG1	120
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập, theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	120
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1	60
10	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	90
11	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	50
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	40
c	Giải pháp về môi trường	CG1	40
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	40
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển	CG1	40
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	40
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	40
h	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	75
i	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	55
k	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	30
l	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	40
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ		

	in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	40
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	80
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh với khu vực và quốc tế	CG1	40
b.2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	60
b.3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	60
b.5	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG2	60
b.6	Sơ đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	CG1	70
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	180
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
14	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	20
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

23. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		

a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	416
b	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1	471
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	74
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1	34
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1	
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường vùng bờ; tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1	196
b	Phân tích, đánh giá công tác điều tra, khảo sát, thăm dò các dạng tài nguyên vùng bờ	CG1	185
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ	CG1	107
d	Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ	CG1	80
đ	Phân tích, đánh giá việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển	CG1	100
e	Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1	140
g	Phân tích, đánh giá nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1	75
3	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ		
a	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh; môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	CG1	200
b	Đánh giá xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1	160
c	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1	140
4	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan liên quan đến việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ		
a	Phân tích, đánh giá đặc điểm kinh tế, xã hội vùng bờ; chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ	CG1	120

b	Phân tích, đánh giá thực trạng về thể chế, chính sách quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1	70
c	Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quy hoạch liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1	55
5	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ trong thời kỳ quy hoạch		
a	Phân tích dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1	120
b	Phân tích, dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển; phân tích lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1	250
c	Phân tích, dự báo tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1	380
6	Quan điểm, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội		
a	Xác định quan điểm phát triển	CG1	180
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	100
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	100
7	Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ		
a	Xác định các vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong phạm vi vùng bờ;	CG1	420
b	Xác định các vùng khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi vùng bờ	CG1	450
c	Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.	CG1	450
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	111
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;	CG1	124
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	80
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;	CG1	129
đ	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển;	CG1	146
e	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền;	CG1	45
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	212
h	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;	CG1	111
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	112
k	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	113
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50

12	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 - 1:250.000		
a.1	Sơ đồ tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng bờ.	CG1	200
a.2	Sơ đồ hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.	CG1	120
a.3	Sơ đồ phân vùng chức năng vùng bờ.	CG1	80
a.4	Sơ đồ các khu vực chồng lấn, mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.	CG1	150
a.5	Sơ đồ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.	CG1	250
b	Sơ đồ thành lập ở các khu vực trọng điểm (nếu có). Tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000		
	Bản đồ các khu vực trọng điểm có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000	CG1	80
14	Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và tích hợp vào báo cáo quy hoạch	CG2	160
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1	50
14	Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và tích hợp vào báo cáo quy hoạch	CG1	160
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

24. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỔNG ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu		
a.1	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG1	126
a.2	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của ngành	CG1	152
a.3	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung	CG1	63

a.4	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu	CG1	127
b	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG2	98
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản		
c.1	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản nhiên liệu, than và dầu khí	CG2	50
c.2	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản công nghiệp (khoáng sản phục vụ phát triển ngành công nghiệp khai khoáng)	CG2	50
c.3	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng (khoáng sản phục vụ ngành xây dựng)	CG2	50
c.4	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản phóng xạ	CG2	50
c.5	Phân tích đánh giá hiện trạng công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2	50
c.6	Phân tích đánh giá hiện trạng nhân lực trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2	50
c.7	Phân tích đánh giá hiện trạng công tác quản lý nhà nước trong công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2	50
d	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch trước		
d.1	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản nhiên liệu, than và dầu khí	CG2	50
d.2	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản công nghiệp	CG2	50
d.3	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng	CG2	50
d.4	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản phóng xạ	CG2	50
2	Đánh giá tác động của việc điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản		
a	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội		
a.1	Đánh giá tác động của công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành công nghiệp	CG2	50
a.2	Đánh giá tác động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành xây dựng	CG2	50
a.3	Đánh giá tác động hoạt động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển những ngành kinh tế khác (thương mại, du lịch và nông nghiệp)	CG2	50
a.4	Đánh giá tác động hoạt động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển các ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước)	CG2	50
b	Tác động của việc điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đến nguồn tài nguyên thiên nhiên khác	CG1	80

c	Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái		
c.1	Tác động đến môi trường	CG2	40
c.2	Tác động đến đa dạng sinh học	CG2	40
c.3	Tác động đến cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái	CG2	40
3	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan liên quan đến việc điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản		
a	Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến điển điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản;	CG1	101
b	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển của các chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường liên quan đến điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch;	CG1	101
c	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng về huy động nguồn lực, hợp tác quốc tế trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản;	CG1	101
4	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch		
a	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
a.1	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản nhiên liệu	CG1	52
a.2	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản công nghiệp	CG1	52
a.3	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng	CG1	52
a.4	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản phóng xạ	CG1	52
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
b.1	Dự báo bối cảnh kinh tế xã hội trong thời kỳ quy hoạch	CG1	30
b.2	Dự báo sự phát triển của ngành công nghiệp tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1	30
b.3	Dự báo sự phát triển của ngành xây dựng tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1	30
b.4	Dự báo sự phát triển của ngành kinh tế khác tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1	30
b.5	Dự báo sự phát triển cả ngành kết cấu hạ tầng đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1	30
c	Dự báo những tác động của hoạt động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với bảo vệ môi trường	CG1	50

5	Quan điểm, mục tiêu của hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội		
a	Xác định quan điểm phát triển;	CG1	52
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	52
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	72
6	Xác định các nhiệm vụ liên quan đến điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản		
a	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về địa chất, khoáng sản	CG1	125
b	Đánh giá tiềm năng từng loại, từng nhóm khoáng sản; xác định vùng có triển vọng về khoáng sản	CG1	81
c	Đánh giá tình hình đầu tư, thiết bị, kỹ thuật, phương pháp phân tích, thí nghiệm phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1	81
d	Dự kiến quy mô đầu tư, nhu cầu về thiết bị, kỹ thuật, phương pháp phân tích, thí nghiệm phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1	81
đ	Xác định danh mục các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vốn	CG1	81
7	Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng		
a	Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, những tác động tiêu cực lên khu vực cộng đồng dân cư do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gây ra	CG1	59
b	Đề xuất các biện pháp phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1	59
c	Đề xuất các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và giảm thiểu tác động tiêu cực của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1	59
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	81
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;	CG1	78
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	52
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số đ) Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển;	CG1	35
đ	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền;	CG1	62
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	25
g	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;	CG1	79
h	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	79

i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	79
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Xây dựng sơ đồ địa chất, khoáng sản	CG1	280
15	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	150
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	50

25. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN NHÓM I, QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN NHÓM II

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu		
a.1	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu		
a.1.1	Xây dựng khung yêu cầu chung về điều tra tổng thể	CG2	20
a.1.2	Xây dựng hệ thống biểu mẫu bảng hỏi điều tra	CG2	50
a.2	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của ngành	CG2	60
a.3	Điều tra, khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu về cơ chế chính sách phát triển ngành	CG2	20
b	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về nhóm khoáng sản		
b.1	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2	30
b.2	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến ngành	CG2	30
b.3	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến ngành: Kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế.	CG2	25
b.4	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố về điều ước quốc tế, thể chế, chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của ngành.	CG2	25

b.5	Thu thập thông tin, đánh giá các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến ngành	CG2	30
c	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin		
c.1	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
c.1.1	Điều tra, khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu về cơ chế chính sách phát triển ngành	CG2	45
c.1.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về nhóm khoáng sản	CG2	45
c.1.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2	20
c.2	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
c.2.1	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động- việc làm	CG2	15
c.2.2	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2	15
c.2.3	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2	15
c.2.4	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2	20
c.2.5	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2	15
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực tác động đến việc bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm I, nhóm II		
a	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội;		
a.1	Đánh giá tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành công nghiệp	CG2	49
a.2	Đánh giá tác động đối với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành xây dựng	CG2	49
a.3	Đánh giá tác động hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển những ngành kinh tế khác (thương mại, du lịch và nông nghiệp)	CG2	49
a.4	Đánh giá tác động hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển các ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước)	CG2	49
b	Tác động của việc khai thác, sử dụng các loại khoáng sản đến nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;	CG1	88
c	Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái		
c.1	Tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, cảnh quan, sinh thái;	CG2	49
c.2	Tác động đến đa dạng sinh học	CG2	49
c.3	Tác động đến cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái;	CG2	49
3	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng các loại khoáng sản		

a	Phân tích, đánh giá tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản;	CG1	98
b	Đánh giá thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản.	CG1	98
4	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch.		
a	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ tác động tới hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản		
a.1	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản nhiên liệu	CG1	71
a.2	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng chất công nghiệp	CG1	71
a.3	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng	CG1	71
a.4	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản phóng xạ	CG1	71
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.		
b.1	Dự báo bối cảnh kinh tế xã hội trong thời kỳ quy hoạch	CG1	73
b.2	Dự báo xu thế phát triển của ngành công nghiệp gắn với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1	73
b.3	Dự báo xu thế phát triển ngành xây dựng gắn với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1	73
b.4	Dự báo nhu cầu phát triển của cơ sở hạ tầng phục vụ thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1	73
b.5	Dự báo nhu cầu về đất đai, vốn đầu tư và nhân lực	CG1	73
b.6	Dự báo những tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với bảo vệ môi trường	CG1	73
b.7	Dự báo những tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với môi trường sống của cộng đồng dân cư	CG1	73
5	Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm I, hoặc nhóm II trong kỳ quy hoạch		
a	Quan điểm về bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm I, hoặc nhóm II;	CG1	89
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	60

c	Mục tiêu cụ thể bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm I, hoặc nhóm II trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	60
6	Xác định khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản		
a	Rà soát, tổng hợp các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;	CG1	80
b	Xác định khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản theo nguyên tắc: khu vực thăm dò khoáng sản khi đã có đề án điều tra, đánh giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khu vực khai thác khoáng sản khi đã có đề án thăm dò khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	CG1	60
7	Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động khoáng sản		
a	Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, những tác động tiêu cực lên khu vực cộng đồng dân cư do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gây ra	CG1	150
b	Đề xuất các biện pháp phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1	80
c	Đề xuất các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và giảm thiểu tác động tiêu cực của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1	80
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về pháp luật, chính sách;	CG1	90
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư;	CG1	80
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;	CG1	68
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức;	CG1	62
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1	80
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	80
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch.	CG1	82
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	82
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in		
a.1	Sơ đồ quy hoạch khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:500.000	CG1	150

a.2	Sơ đồ chuyên đề (nếu có).	CG1	100
11	Chỉnh sửa, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	55
b	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	50
c	Chỉnh sửa, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	35
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	150
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	50

26. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch	CG3	120
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	45
c	Khảo sát sơ bộ, đánh giá kiểm chứng thông tin	CG2	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	120
2	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
a	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1	150
b	Đánh giá kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	CG1	180
c	Đánh giá môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	250
3	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan		
a	Phân tích, đánh giá tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động quản lý,	CG1	120

	bảo vệ và phát triển rừng		
b	Phân tích, đánh giá các quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1	90
c	Đánh giá thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực nông nghiệp	CG1	90
4	Dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, sự phát triển kinh tế - xã hội tác động tới ngành lâm nghiệp		
a	Dự báo tiến bộ của khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	CG1	120
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1	120
c	Tác động của thị trường, tác động của biến đổi khí hậu, tác động của đô thị hóa đến ngành lâm nghiệp trong thời kỳ quy hoạch	CG1	120
5	Quan điểm và mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội		
a	Xác định các quan điểm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng tài nguyên rừng, phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp xét về hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	40
c	Xác định mục tiêu cụ thể phát triển lâm nghiệp trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	40
6	Định hướng phát triển lâm nghiệp		
a	Định hướng phân vùng sinh thái lâm nghiệp; xác định các khu vực có nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng, khu vực phòng hộ theo các lưu vực sông lớn và hồ đập	CG1	150
b	Định hướng về diện tích rừng, đất lâm nghiệp	CG1	150
c	Định hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, lâm sản ngoài gỗ	CG1	150
d	Định hướng phát triển rừng sản xuất, giống cây rừng, khoanh nuôi và phục hồi rừng, trồng và khai thác rừng, lâm sản ngoài gỗ; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	CG1	120
đ	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG1	200
e	Định hướng sử dụng đất cho phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và hạ tầng lâm nghiệp.	CG1	150
g	Định hướng về chế biến, thương mại gỗ và lâm sản	CG1	150
h	Định hướng phát triển du lịch sinh thái, cây dược liệu gắn với bảo vệ và phát triển rừng; dịch vụ môi trường rừng	CG1	150
7	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	90
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư;	CG1	90

c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;	CG1	90
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức;	CG1	90
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1	90
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	90
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	90
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	90
8	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
9	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
8	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ hiện trạng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp	CG2	130
b.2	Sơ đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất và sử dụng đất lâm nghiệp.	CG1	300
b.3	Sơ đồ định hướng sử dụng đất cho phát triển lâm nghiệp.	CG1	95
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG2	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG2	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG2	30

27. ĐỊNH MỨC LẬP QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	30
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	120
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kết quả điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản; hiện trạng quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản:		
a	Hiện trạng kết quả điều tra, khảo sát; trữ lượng, phân bố và khả năng khai thác nguồn lợi thủy sản; hiện trạng các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản đã được lưu trữ giống, gen và đã sản xuất được giống thương phẩm	CG2	300
b	Hiện trạng sản xuất, khai thác thủy sản, gồm phương tiện, sản lượng khai thác thủy sản, tốc độ tăng trưởng giá trị khai thác thủy sản, cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ	CG2	150
c	Hệ thống tổ chức quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	CG2	90
3	Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác		
a	Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	CG2	180
b	Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến môi trường, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác	CG2	180
4	. Phân tích, đánh giá tác động của chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan đến bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1	120
5	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản		
a	Dự báo xu thế biến động về trữ lượng nguồn lợi thủy sản, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản	CG1	180

b	Dự báo nhu cầu khai thác nguồn lợi thủy sản; đánh giá mức độ khai thác và sản lượng tối đa cho phép khai thác bền vững	CG1	180
c	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ tác động tới các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1	90
d	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1	90
đ	Đánh giá tác động của thị trường, tác động của biến đổi khí hậu đến công tác bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1	120
6	Quan điểm, mục tiêu bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội		
a	Quan điểm bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản xét về lợi ích kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quốc phòng, an ninh, đảm bảo việc thực hiện các khuyến cáo và công ước quốc tế	CG1	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	75
c	Xác định các mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	75
7	Định hướng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản		
a	Xác định khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu, đường di cư tự nhiên của các loài thủy sản;	CG1	280
b	Phân vùng khai thác thủy sản; đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;	CG1	290
c	Xác định nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; cơ cấu nghề, đối tượng khai thác, vùng biển khai thác thủy sản;	CG1	200
d	Định hướng sử dụng đất, mặt nước cho việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, xây dựng hạ tầng dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản.	CG1	250
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	90
b	Giải pháp về vốn đầu tư;	CG1	90
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	90
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đ) Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức;	CG1	90

đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1	90
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	90
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch;	CG1	90
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	90
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
a	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:500.000		
a.1	Sơ đồ hiện trạng quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	CG1	180
a.2	Sơ đồ phân vùng khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	CG1	180
b	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000		
b.1	Sơ đồ khoanh định khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển	CG1	60
b.2	Sơ đồ khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	CG1	60
b.3	Sơ đồ khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn	CG1	60
b.4	Sơ đồ khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu.	CG1	60
11	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	40
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG2	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG2	50
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG2	30

28. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	CG1	90
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	30
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1	150
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG1	30
2	Thực trạng sử dụng đất quốc phòng	CG2	250
3	Định hướng sử dụng đất quốc phòng trong thời kỳ quy hoạch gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ các cấp	CG1	350
4	Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia		
a	Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng theo chức năng phục vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bố trí lực lượng và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong các tình huống	CG1	350
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng trong kỳ quy hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	250
c	Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1	350
5	Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm	CG1	90
6	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100

b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng	CG1	120
b.2	Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	CG1	120
b.3	Sơ đồ khu vực đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1	120
b.4	Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm.	CG1	110
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng/đất an ninh của các khu vực trọng điểm	CG1	110
7	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	80
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;	CG1	80
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	80
d	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển;	CG1	80
đ	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền;	CG1	80
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	80
g	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;	CG1	80
h	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động;	CG1	80
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch;	CG1	80
k	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	80
8	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	210
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
9	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	20
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG2	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG2	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG2	30

29. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT AN NINH

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất an ninh	CG1	120
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	30
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1	65
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	30
2	Định hướng sử dụng đất an ninh trong thời kỳ quy hoạch	CG1	150
3	Xác định nhu cầu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia		
a	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1	250
b	Xác định vị trí, diện tích đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1	250
4	Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm	CG1	250
5	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất an ninh		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1	63
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	48
c	Giải pháp về môi trường	CG1	20
d	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển	CG1	53
đ	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1	48
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1	53
g	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1	95
h	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1	73
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1	53
k	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	20

8	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh	CG1	120
b.2	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất an ninh	CG1	120
b.3	Bản đồ khu vực đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1	120
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm	CG1	110
b.5	Sơ đồ định hướng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm	CG1	110
9	Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	250
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
11	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	15
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch	CG2	90
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG2	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG2	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG2	30

30. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2	247

b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1	210
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2	400
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1	150
2	Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường; tình hình và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường		
a	Điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội đầu kỳ quy hoạch	CG2	62
b	Hiện trạng đầu kỳ quy hoạch, diễn biến chất lượng môi trường trong kỳ quy hoạch trước, gồm chất lượng môi trường đất; chất lượng môi trường nước; chất lượng không khí	CG2	188
c	Đánh giá tình hình phát sinh các loại chất thải trong kỳ quy hoạch trước và dự báo về quy mô và tính chất của các loại chất thải phát sinh trong kỳ quy hoạch	CG2	135
d	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trong kỳ quy hoạch trước và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến chất lượng môi trường	CG2	135
đ	Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân	CG2	135
3	Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường		
a	Xây dựng quan điểm về bảo vệ môi trường trong thời kỳ quy hoạch	CG1	9
b	Xác định các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể bảo vệ môi trường trong thời kỳ quy hoạch và mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm	CG1	35
c	Xác định các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường gồm giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường	CG1	203
4	Định hướng phân vùng môi trường; quản lý chất thải; quan trắc và cảnh báo môi trường trong kỳ quy hoạch		
a	Định hướng về phân vùng môi trường trên phạm vi cả nước theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác	CG1	49
b	Định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng;	CG1	49
c	Định hướng về điểm, thông số, tần suất quan trắc của mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh	CG1	49
d	Định hướng quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	CG1	49
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		

a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	50
b	Giải pháp về vốn đầu tư;	CG1	50
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	50
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	50
đ	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1	50
e	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1	50
g	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	50
h	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch;	CG1	50
i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	50
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:1.100.000		
a	Các sơ đồ về hiện trạng phân vùng môi trường		
a.1	Sơ đồ hiện trạng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	CG1	50
a.2	Sơ đồ hiện trạng các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG1	50
a.3	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh	CG1	50
b	Sơ đồ định hướng phân vùng môi trường	CG1	50
c	Sơ đồ định hướng các khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	CG1	50
d	Sơ đồ định hướng mạng lưới các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG1	50
đ	Sơ đồ định hướng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh.	CG1	50
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

31. ĐỊNH MỨC LẬP QUY HOẠCH BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	113
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1	75
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	150
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1	52
2	Đánh giá hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học		
a	Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi	CG2	50

	trường đầu kỳ quy hoạch		
b	Đánh giá hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý đa dạng sinh học nói chung và các khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	206
C	Dự báo xu thế biến động về đa dạng sinh học	CG1	60
3	Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học		
a	Xác định quan điểm bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	18
c	Xác định mục tiêu tổng quát và tầm nhìn cho thời kỳ 30 năm	CG1	120
b	Xác định các mục tiêu cụ thể trong kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	70
d	Xác định nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trong kỳ quy hoạch	CG1	70
4	Định hướng bảo tồn đa dạng sinh học trong kỳ quy hoạch		
a	Xác định các chỉ tiêu, định hướng bảo tồn đa dạng sinh học đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;	CG1	79
b	Xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, phân cấp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	CG1	79
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ quy hoạch	CG1	79
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng;	CG1	75
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	97
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;	CG1	233
d	Giải pháp về tài chính, đầu tư;	CG1	85
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1	74
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	59
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	75
i	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	50
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	85
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:1.100.000		
a	Sơ đồ về hiện trạng cảnh quan sinh thái quan trọng	CG1	80
b	Sơ đồ hiện trạng khu vực đa dạng sinh học cao	CG1	80
c	Sơ đồ hiện trạng khu bảo tồn thiên nhiên	CG1	80

d	Sơ đồ hiện trạng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	80
đ	Sơ đồ hiện trạng vùng đất ngập nước quan trọng	CG1	80
e	Sơ đồ hiện trạng hành lang đa dạng sinh học	CG1	80
g	Sơ đồ hiện trạng khu bảo tồn thiên nhiên	CG1	80
h	Sơ đồ hiện trạng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	80
i	Sơ đồ hiện trạng vùng đất ngập nước quan trọng	CG1	80
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch	CG2	115
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

32. ĐỊNH MỨC LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	69
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1	109
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	53
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1	21
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu		
a	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn;	CG1	67
b	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trong nước với khu vực và thế giới;	CG1	75
c	Đánh giá hiện trạng giám sát biến đổi khí hậu; biến động theo không gian, thời gian của yếu tố khí tượng thủy văn cần quan trắc; tác động của phát triển khoa học và công nghệ; liên kết ngành, liên kết vùng trong việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia;	CG1	86
d	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan.	CG1	88
3	Phân tích nhu cầu thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	38
4	Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển, biến đổi khí hậu, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động đến mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia		
a	Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn;	CG1	88

b	Phân tích, dự báo các kịch bản phát triển, biến đổi khí hậu, các tiến bộ khoa học, công nghệ tác động đến việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn;	CG1	70
c	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	CG1	146
d	Phân tích, đánh giá tiềm năng, lợi thế, cơ hội, thách thức phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trong thời kỳ quy hoạch.	CG1	70
5	Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia		
a	Xác định quan điểm phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	CG1	45
b	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và cho tầm nhìn 30 năm	CG1	45
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG1	45
d	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	CG1	45
6	Định hướng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn		
a	Xác định mật độ, số lượng, vị trí, danh sách trạm, nội dung quan trắc của từng loại trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;	CG1	52
b	Lập sơ đồ quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	CG1	120
7	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	CG1	161
8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về vốn đầu tư;	CG1	102
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện quy hoạch;	CG1	96
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số;	CG1	91
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;	CG1	90
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	67
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;	CG1	97
g	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	97
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	225
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	20
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:1.100.000		
a	Sơ đồ hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	CG1	180
b	Sơ đồ định hướng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	CG1	120
11	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với	CG2	20

	quy hoạch		
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

33. ĐỊNH MỨC LẬP QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC, THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2	50
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	30
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát hiện trạng, đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên địa bàn cả nước		
a	Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường	CG1	190
b	Đánh giá hiện trạng tài nguyên nước; hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; hiện trạng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên địa bàn cả nước	CG2	190
c	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái	CG2	190
3	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
a	Phân tích, đánh giá tổng quan tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai;	CG1	145
b	Phân tích, đánh giá tổng quan xu thế biến động tài nguyên nước và nhu cầu khai thác, sử dụng nước phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.	CG1	145
4	Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai trong thời kỳ quy hoạch		
a	Dự báo xu thế phát triển, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội	CG2	390
b	Xây dựng các kịch bản phát triển	CG1	200
5	Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai		

a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trong phạm vi cả nước;	CG1	140
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ;	CG1	140
c	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức phát triển đối với lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai trong thời kỳ quy hoạch.	CG1	140
6	Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi		
a	Xác định quan điểm quy hoạch;	CG1	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cho tầm nhìn 30 năm;	CG1	90
c	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm.	CG1	90
7	Định hướng điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; xác định mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất; xác định yêu cầu chuyển nước giữa các lưu vực sông; xác định thứ tự ưu tiên lập quy hoạch tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh	CG1	670
8	Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên phạm vi cả nước và các vùng		
a	Phân tích, tính toán và xây dựng định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo các kịch bản phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu	CG2	280
b	Đề xuất giải pháp công trình, giải pháp phi công trình theo kịch bản phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên phạm vi cả nước	CG1	190
c	Đề xuất các giải pháp liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan	CG1	200
9	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai quốc gia	CG2	180
10	Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2	20
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách;	CG1	96
b	Giải pháp về huy động vốn đầu tư;	CG1	96
c	Giải pháp về môi trường;	CG1	96
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi d) Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức;	CG1	96
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1	96
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế;	CG1	96
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch;	CG1	97

h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.	CG1	98
9	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	40
10	Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in		
	Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 – 1:1.100.000		
a	Sơ đồ hiện trạng tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai.	CG1	120
b	Sơ đồ định hướng điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.	CG1	120
c	Sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên phạm vi cả nước và các vùng.	CG1	120
d	Sơ đồ định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.	CG1	120
đ	Sơ đồ định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi quốc gia.	CG1	120
11	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	50
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	50
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	30
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	20
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	100
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	30

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH VÙNG
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức cho hoạt động trực tiếp của quy hoạch vùng (C_{pv}) được xác định như sau:

$$C_{pv} = C_{chuẩnV} \times H_{1V} \times H_{2V} \times H_{3V} \times K_1$$

Trong đó:

$C_{chuẩnV}$: Định mức trực tiếp cho lập quy hoạch vùng chuẩn (mục B, Phụ lục VII).

Tham số của vùng chuẩn: quy mô dân số ($P_{chuẩnV}$) là 16.900.000 người; diện tích ($S_{chuẩnV}$) là 55.200 km²; tổng sản phẩm trên địa bàn ($GRDP_{chuẩnV}$) là 1.925.000 tỷ đồng (giá hiện hành).

$$H_{1V}: \text{Hệ số quy mô dân số vùng} = \frac{\log(\text{Quy mô dân số vùng})}{\log(P_{chuẩnV})}$$

$$H_{2V}: \text{Hệ số quy mô diện tích vùng} = \frac{\log(\text{Quy mô diện tích vùng})}{\log(S_{chuẩnV})}$$

$$H_{3V}: \text{Hệ số quy mô kinh tế vùng} = \frac{\log(\text{Tổng sản phẩm trên địa bàn vùng})}{\log(GRDP_{chuẩnV})}$$

Lưu ý: Quy mô dân số vùng là dân số trung bình, trước thời điểm lập quy hoạch, theo Niên giám Thống kê (do Tổng cục Thống kê phát hành) gần nhất; đơn vị tính dân số vùng là nghìn người (1.000 người); đơn vị tính diện tích vùng là km²; đơn vị tính tổng sản phẩm là tỷ đồng.

K_1 : Hệ số địa bàn của vùng được quy định như sau:

$K_1 = 1,5$ đối với địa bàn vùng có thành phố là đô thị đặc biệt.

$K_1 = 1,0$ đối với địa bàn các vùng còn lại.

II. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH VÙNG CHUẨN

Định mức trực tiếp cho quy hoạch vùng chuẩn quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

III. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi, vùng chuẩn	Hệ số K (*) áp dụng đối với vùng được lập quy hoạch	Ngày công quy đổi theo từng vùng được lập quy hoạch
1	Định mức cho hoạt động 1	CG	B_1	K	$B_1 \times K$
...					
n	Định mức cho hoạt động n	CG	B_n	K	$B_n \times K$

$$(*) \text{ Hệ số } K = H_{1V} \times H_{2V} \times H_{3V} \times K_l.$$

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC CHO QUÝ HOẠCH VÙNG CHUẨN
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu		
a	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG2	128
b	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin nội tại của vùng		
b.1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu	CG2	83
b.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về không gian	CG2	83
b.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2	60
c	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến lãnh thổ		
c.1	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến vùng: Kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế.	CG3	50
c.2	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố về điều ước quốc tế, thể chế, chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của vùng.	CG3	50
c.3	Thu thập thông tin, đánh giá các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến vùng	CG3	50
c.4	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin	CG2	28
d	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
d.1	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung	CG2	45
d.2	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung các hợp phần	CG2	45
đ	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
đ.1	Xử lý tổng hợp các thông tin và phản hồi các thông tin được cung cấp từ các hợp phần.	CG2	130
đ.2	Xử lý tổng hợp thông tin về hiện trạng không gian	CG2	90
đ.3	Xử lý thông tin hiện trạng sử dụng tài nguyên	CG2	90
đ.4	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động-việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa	CG2	90
đ.5	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2	90
đ.6	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2	90
đ.7	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn	CG2	90
đ.8	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển các khu	CG2	90

	chức năng tổng hợp		
đ.9	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2	90
đ.10	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2	90
2	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng		
a	Phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng;	CG2	200
b	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng về tổ chức không gian kinh tế - xã hội; hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, khu chức năng; hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng; bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông;		
b.1	Thực trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng kinh tế	CG2	200
b.2	Thực trạng phát triển xã hội, các ngành văn hóa, xã hội và cơ sở hạ tầng xã hội	CG2	200
b.3	Thực trạng phát triển tài nguyên thiên nhiên, môi trường	CG2	200
b.4	Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	CG2	200
b.5	Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng	CG2	200
b.6	Thực trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế	CG2	250
b.7	Thực trạng các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác	CG2	350
b.8	Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng	CG2	200
c	Vị trí, vai trò của vùng đối với quốc gia	CG2	200
d	Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng	CG2	250
d.1	Xác định, khoanh vùng các đối tượng lãnh thổ đã được khai thác chủ yếu cho các hoạt động kinh tế, xã hội	CG2	115
d.2	Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các vùng chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật liên tỉnh và công trình hạ tầng xã hội cấp vùng, các khu chức năng đặc thù	CG2	95
d.3	Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng cấp vùng	CG2	95
d.4	Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ	CG2	95
d.5	Xác định những vấn đề nổi cộm và những hạn chế, tồn tại cần giải quyết	CG2	70
2	Xây dựng kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển		
a	Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)		
a.1	Xác định các điểm mạnh của vùng; xác định các điểm yếu của vùng; xác định các cơ hội phát triển đối với vùng; xác định các thách thức	CG2	284

	đối với vùng		
a.2	Tổng hợp, phân tích đánh giá SWOT (S-O, W-T)	CG1	47
b	Phân tích các yếu tố tác động từ bên ngoài tác động đến lãnh thổ (về tự nhiên, môi trường, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư hạ tầng)		
b.1	Phân tích các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển vùng	CG2	62
b.2	Phân tích các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia đến phát triển vùng	CG2	62
b.3	Phân tích các yếu tố tác động từ các vùng lân cận	CG2	62
c	Dự báo các yếu tố tác động chủ yếu đến lãnh thổ		
c.1	Phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển vùng	CG2	70
c.2	Phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia đến phát triển vùng	CG2	70
c.3	Phân tích, dự báo các yếu tố tác động từ các vùng lân cận	CG2	70
d	Lựa chọn kịch bản phát triển		
d.1	Xây dựng các kịch bản phát triển	CG1	85
d.2	Phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển, luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển	CG1	85
3	Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng		
a	Quan điểm về phát triển vùng, tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch		
a.1	Tư tưởng chủ đạo, tầm nhìn phát triển và quan điểm về phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	40
a.2	Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, môi trường trong vùng	CG1	40
b	Mục tiêu tổng quát phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm	CG1	50
c	Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch		
c.1	Đề xuất các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
c.2	Đề xuất các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70

c.3	Đề xuất các mục tiêu về quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
c.4	Đề xuất các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
c.5	Đề xuất các mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1	70
c.6	Đề xuất các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung	CG2	100
c.7	Đề xuất các chỉ tiêu về không gian	CG2	100
c.8	Đề xuất các chỉ tiêu tổng hợp theo các hợp phần	CG2	100
4	Xác định các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch.	CG1	85
5	Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng		
a	Xác định ngành có lợi thế của vùng	CG1	133
b	Phương hướng phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành có lợi thế.	CG2	143
6	Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng; phương hướng phát triển vùng, liên tỉnh		
a	Định hướng tổ chức không gian phát triển gồm các khu vực động lực, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế của vùng; khu vực lãnh thổ cần bảo tồn,; khu vực hạn chế phát triển		
a.1	Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển các dự án quan trọng cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia trên lãnh thổ vùng	CG2	107
a.2	Xây dựng và lựa chọn phương án phát triển không gian vùng gồm các hành lang phát triển, các khu vực khuyến khích phát triển; xác định nguyên tắc tổ chức, quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn trong vùng	CG1	90
a.3	Xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch	CG1	75
b	Phương hướng tổ chức liên kết không gian phát triển của vùng, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên tỉnh.		
b.1	Định hướng phân bố nguồn lực trên lãnh thổ vùng phù hợp với phương án phát triển không gian vùng	CG2	127
b.2	Đề xuất nguyên tắc tổ chức liên kết không gian vùng, nguyên tắc phối hợp tổ chức phát triển không gian liên tỉnh	CG2	97
7	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn		
a	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn vùng	CG1	15
b	Phương hướng phát triển các đô thị trung tâm của vùng	CG1	5

c	Phương hướng phát triển khu vực nông thôn.	CG1	15
8	Phương hướng phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; khu nghiên cứu, đào tạo; khu phức hợp y tế; khu thể dục thể thao, khu văn hóa có tính chất liên tỉnh và các khu chức năng khác theo quy định của pháp luật; vùng sản xuất tập trung.		
a	Xác định các khu kinh tế	CG1	35
b	Xác định các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	CG1	35
c	Xác định các khu du lịch	CG1	35
d	Xác định các khu nghiên cứu, đào tạo	CG1	35
đ	Xác định các khu thể dục thể thao	CG1	35
e	Xác định các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích	CG1	35
g	Xác định vùng sản xuất tập trung	CG1	35
9	Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên lãnh thổ vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh, bao gồm: mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước và các hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh khác.		
a	Xây dựng phương án liên kết hệ thống đô thị cấp vùng, liên kết đô thị và nông thôn, liên kết các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp và vùng sản xuất tập trung trên lãnh thổ vùng	CG1	128
b	Xác định yêu cầu đối với hệ thống kết cấu hạ tầng vùng; xây dựng phương hướng phân bố và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên lãnh thổ vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, phương án liên kết hệ thống kết cấu hạ tầng vùng và liên tỉnh gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng, mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chuẩn bị kỹ thuật, mạng lưới viễn thông, các khu xử lý chất thải nguy hại và các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng.	CG1	128
10	Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng:		
a	Phương hướng bảo vệ môi trường của vùng, các lưu vực sông liên tỉnh, các khu vực ven biển	CG2	194

	liên tỉnh; phương hướng phát triển khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng		
b	Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh	CG2	97
c	Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh	CG2	
d	Phương hướng phân vùng chức năng của nguồn nước; định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định yêu cầu chuyển nước giữa các lưu vực sông	CG2	77
đ	Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
đ.1	Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường vùng và liên tỉnh, các lưu vực sông liên tỉnh, các khu vực ven biển liên tỉnh	CG2	97
đ.2	Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh	CG2	97
đ.3	Phương hướng tổ chức không gian các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng và liên tỉnh, bao gồm vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý	CG2	163
đ.4	Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG2	97
đ.5	Xây dựng cơ chế phối hợp thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; phối hợp khai thác nguồn tài nguyên nước và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước lưu vực sông; phối hợp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2	77
đ.6	Xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng	CG2	60
11	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch:		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng	CG1	78
b	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1	78
c	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1	78
d	Giải pháp về môi trường	CG1	78
đ	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG1	78
e	Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị	CG1	78

	và nông thôn		
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG1	78
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	78
12	Xây dựng hệ thống sơ đồ		
a	Xây dựng hệ thống sơ đồ được tích hợp theo hệ thống sơ đồ chuyên ngành và các sơ đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại sơ đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG2	85
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia, cấp vùng	CG2	85
b	Biên tập hệ thống sơ đồ số và sơ đồ in sản phẩm cuối cùng		
b1	Các sơ đồ về hiện trạng phát triển vùng.	CG1	250
b2	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị.	CG1	187
b3	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	CG1	187
b4	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	CG1	187
b5	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	CG1	187
b6	Sơ đồ phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên	CG1	187
b7	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học	CG1	187
b8	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	187
b9	Bản đồ chuyên đề (định mức 01 sơ đồ chuyên đề, nếu có).	CG1	100
13	Xây dựng báo cáo quy hoạch		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	400
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	140
16	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2	67
17	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG2	30
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG2	250
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG2	90

Phụ lục VII
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP LẬP QUY HOẠCH TỈNH
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức cho hoạt động trực tiếp (không bao gồm hoạt động xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch) của quy hoạch tỉnh (C_{pT}) được tính như sau:

$$C_{pT} = C_{chuẩnT} \times H_{1T} \times H_{2T} \times H_{3T} \times K_1$$

Trong đó:

$C_{chuẩnT}$: Định mức trực tiếp cho lập quy hoạch tỉnh chuẩn (mục B. Phụ lục VIII).

Tham số của tỉnh chuẩn: quy mô dân số ($P_{chuẩnT}$) là 2.900.000 người; diện tích ($S_{chuẩnT}$) là 9.700 km²; tổng sản phẩm trên địa bàn ($GRDP_{chuẩnT}$) là 339.700 tỷ đồng (giá hiện hành)

$$H_{1T}: \text{Hệ số quy mô dân số tỉnh} = \frac{\log(\text{Quy mô dân số tỉnh})}{\log(P_{chuẩnT})}$$

$$H_{2T}: \text{Hệ số quy mô diện tích tỉnh} = \frac{\log(\text{Quy mô diện tích tỉnh})}{\log(S_{chuẩnT})}$$

$$H_{3T}: \text{Hệ số quy mô kinh tế tỉnh} = \frac{\log(\text{Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh})}{\log(GRDP_{chuẩnT})}$$

Lưu ý: Quy mô dân số tỉnh là dân số trung bình, trước thời điểm lập quy hoạch, theo Niên giám Thống kê (do Tổng cục Thống kê phát hành) gần nhất; đơn vị tính dân số tỉnh là nghìn người (1.000 người); đơn vị tính diện tích tỉnh là km²; đơn vị tính tổng sản phẩm là tỷ đồng.

K_1 : Hệ số địa bàn được quy định như sau:

- $K_1 = 1,5$ đối với địa bàn thành phố là đô thị đặc biệt;
- $K_1 = 1,2$ đối với địa bàn là thành phố trực thuộc Trung ương;
- $K_1 = 1,05$ đối với địa bàn là tỉnh có đô thị loại I trực thuộc tỉnh;
- $K_1 = 1,0$ đối với địa bàn là các tỉnh còn lại.

II. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH TỈNH CHUẨN

Định mức trực tiếp cho quy hoạch tỉnh chuẩn quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư này.

III. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi tỉnh chuẩn	Hệ số K (*) áp dụng đối với tỉnh được lập quy hoạch	Ngày công quy đổi theo tỉnh được lập quy hoạch
1	Định mức cho hoạt động 1	CG	B ₁	K	B ₁ x K

...					
n	Định mức cho hoạt động n	CG	B _n	K	B _n x K

(*) Hệ số $K = H_{1T} \times H_{2T} \times H_{3T} \times K_1$.

Phụ lục VIII
ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHỖ QUY HOẠCH TỈNH CHUẨN
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung	Định mức chuyên gia cao nhất	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu		
a	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG2	63
b	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của tỉnh		
b.1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu	CG2	57
b.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về không gian	CG2	57
b.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG1	28
c	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến tỉnh		
c.1	Bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến tỉnh: kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế, liên kết vùng chức năng	CG2	53
c.2	Bối cảnh và các yếu tố về chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của tỉnh	CG2	53
c.3	Các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến tỉnh	CG2	53
c.4	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin	CG1	22
d	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
d.1	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung	CG2	45
đ	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
đ.1	Xử lý tổng hợp các thông tin và phản hồi các thông tin	CG1	90
đ.2	Xử lý tổng hợp thông tin về hiện trạng không gian	CG2	45
đ.3	Xử lý thông tin hiện trạng sử dụng tài nguyên	CG2	45
đ.4	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động- việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa	CG2	45
đ.5	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2	45
đ.6	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2	45
đ.7	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn	CG2	45
đ.8	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển các khu chức năng	CG2	45

	tổng hợp		
đ.9	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2	45
đ.10	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2	45
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học		
a	Phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường	CG2	200
b	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành	CG2	270
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất	CG2	120
d	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	CG2	200
đ	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển các khu chức năng, hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm		
đ.1	Xác định, khoanh vùng các đối tượng lãnh thổ đã được khai thác chủ yếu cho các hoạt động kinh tế, xã hội	CG2	50
đ.2	Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các khu chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỉnh và công trình hạ tầng xã hội cấp tỉnh, các khu chức năng đặc thù, không gian ngầm	CG2	102
đ.3	Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng cấp tỉnh	CG1	114
d.4	Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ	CG1	228
e	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2	180
g	Phân tích, đánh giá hiện trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, xả nước thải vào nguồn nước; đánh giá số lượng, chất lượng nguồn nước trên địa bàn tỉnh	CG2	60
h	Xác định vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia	CG1	120
i	Phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh; phân tích, đánh giá các yếu tố về bảo đảm quốc phòng, an ninh; dự báo các nguy cơ		

	và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh		
i.1	Phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc tế tác động đến phát triển tỉnh	CG2	47
i.2	Phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc gia, vùng tác động đến phát triển tỉnh	CG2	52
i.3	Phân tích, đánh giá các yếu tố về bảo đảm quốc phòng, an ninh	CG2	45
i.4	Phân tích, dự báo các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận	CG2	27
i.5	Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG2	80
k	Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức		
k.1	Xác định những tồn tại, hạn chế cần được giải quyết	CG1	222
k.2	Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)	CG1	376
3	Xây dựng kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh		
a	Xây dựng các kịch bản phát triển tỉnh	CG1	48
b	Phân tích ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển	CG1	40
c	Lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu	CG1	8
4	Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển		
a	Xây dựng quan điểm về phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG1	33
b	Xây dựng Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong thời kỳ quy hoạch	CG1	40
c	Xây dựng mục tiêu tổng quát trong thời kỳ quy hoạch 10 năm và cho tầm nhìn 30 năm	CG1	35
d	Xác định mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm		
d.1	Đề xuất các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG2	48
d.2	Đề xuất các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo	CG2	48

	giai đoạn 05 năm		
d.3	Đề xuất các mục tiêu về môi trường, quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 05 năm	CG2	48
d.4	Đề xuất các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung từng giai đoạn 05 năm	CG2	35
d.5	Đề xuất các chỉ tiêu về không gian theo giai đoạn 05 năm	CG2	52
d.6	Đề xuất các chỉ tiêu tổng hợp theo các nội dung đề xuất từng giai đoạn 05 năm	CG2	35
5	Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch	CG1	35
6	Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh		
a	Xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh	CG1	35
b	Xác định các khu vực hạn chế phát triển trên địa bàn tỉnh	CG1	25
c	Xác định các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn trên địa bàn tỉnh	CG1	25
d	Phương hướng phát triển và phân bố không gian các ngành, lĩnh vực	CG1	261
7	Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn đối với quy hoạch tỉnh, trừ thành phố trực thuộc Trung ương		
a	Xác định khu vực phát triển đô thị; phương hướng phát triển các đô thị và phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng TOD (nếu có)	CG1	60
b	Xác định khu vực phát triển nông thôn; phương hướng phát triển khu vực nông thôn	CG1	40
8	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn đối với quy hoạch tỉnh được lập cho thành phố trực thuộc Trung ương		
a	Xác định hệ thống đô thị của thành phố trực thuộc Trung ương; phương hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)	CG1	100
b	Phương hướng phát triển khu vực nông thôn.	CG1	30
9	Xây dựng phương hướng phát triển các khu chức năng trên địa bàn cấp tỉnh đã được xác định tại quy hoạch vùng, gồm: khu kinh tế; khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số	CG1	60

	tập trung; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu văn hóa; khu phức hợp y tế và các khu chức năng khác theo quy định của pháp luật; phương án phát triển cụm công nghiệp; phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung		
10	Phương hướng phát triển khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có)	CG1	35
11	Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm mạng lưới đường bộ cao tốc, đường quốc lộ, đường đường sắt, các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải, các cảng biển, cảng hàng không, sân bay trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và phương án phát triển mạng lưới đường của tỉnh	CG1	120
12	Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng bao gồm phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, hạ tầng năng lượng trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và phương án phát triển mạng lưới cấp điện của tỉnh	CG1	75
13	Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phương án phát triển công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; phương án phát triển công trình viễn thông của tỉnh	CG1	90
14	Phương hướng phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; công trình thủy lợi liên xã và hệ thống cấp nước, thoát nước liên xã	CG1	75
15	Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang bao gồm các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và các khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng liên xã	CG1	75
16	Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy bao gồm hạ tầng phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và hạ tầng phòng cháy, chữa cháy của tỉnh	CG1	75
17	Phương hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (nếu có) bao gồm hệ thống cảng cá,	CG1	75

	khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của tỉnh		
18	Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và phương án phát triển hạ tầng xã hội cấp tỉnh, liên xã, gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội, hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ	CG1	75
19	Phương hướng phát triển không gian ngầm (nếu có)		
a	Phương hướng phát triển không gian ngầm cho khu vực ngoài phạm vi mức giới hạn độ sâu thuộc quyền sử dụng của người sử dụng đất	CG1	60
b	Phương hướng phân vùng phát triển không gian ngầm gồm khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm.	CG1	50
20	Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh		
a	Xây dựng định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực xác định tại quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ cho tỉnh và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã	CG1	136
b	Xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG1	230
21	Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh		
a	Phương hướng về phân vùng môi trường đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	CG2	163
b	Xác định khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	CG1	65
c	Phương hướng về điểm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đã được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường	CG2	90

d	Phương hướng quản lý về địa chất, khoáng sản	CG2	130
22	Phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh bao gồm phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh	CG2	90
23	Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra		
a	Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh ; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước	CG2	35
b	Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ quy hoạch; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt	CG2	50
c	Phương hướng đầu tư xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh	CG2	30
d	Xác định các đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước có quy mô vừa và nhỏ	CG2	35
24	Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh		
a	Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn	CG2	45
b	Xây dựng phương hướng phòng chống lũ của các tuyến sông có đề	CG2	25
c	Xây dựng phương hướng phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh	CG2	30
d	Xây dựng phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG2	35
25	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch		
a	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG2	60
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG2	60
c	Giải pháp về môi trường	CG2	60
d	Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	CG2	60
đ	Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển	CG2	60
e	Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông	CG2	60

	thôn		
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch	CG2	60
h	Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh	CG2	50
26	Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG2	72
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG2	72
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	CG2	160
b.2	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	CG2	120
b.3	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	CG3	130
b.4	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	CG1	130
b.5	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	CG1	150
b.6	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	CG1	150
b.7	Bản đồ định hướng sử dụng đất	CG1	160
b.8	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	CG1	130
b.9	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	CG1	130
b.10	Bản đồ phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh bao gồm phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG2	130
b.11	Bản đồ phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	CG2	130
b.12	Bản đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG2	130
b.11	Bản đồ phương hướng phát triển không gian ngầm (nếu có)	CG1	150
b.12	Bản đồ chuyên đề (định mức 01 bản đồ chuyên đề, nếu có)	CG1	55
27	Xây dựng báo cáo quy hoạch		

a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	550
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	125
28	Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch tỉnh		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG1	60
29	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản điện tử của quy hoạch	CG1	50
b	Xây dựng cơ sở địa lý của quy hoạch	CG1	230
c	Xây dựng dữ liệu bản đồ số của quy hoạch	CG1	70

Phụ lục IX
ĐỊNH MỨC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP XÂY DỰNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT
CỦA QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức hoạt động trực tiếp xây dựng nội dung đề xuất đưa vào quy hoạch tỉnh ($C_{\text{ĐXT}}$) được xác định như sau:

$$C_{\text{ĐXT}} = C_{\text{chuẩnĐXT}} \times K_1 \times K_3$$

$C_{\text{chuẩnĐXT}}$: Định mức cho nội dung đề xuất chuẩn trong quy hoạch tỉnh quy định tại Phụ lục X.

K_1 : Hệ số địa bàn được quy định như sau:

$K_1 = 1,2$ đối với địa bàn là thành phố trực thuộc trung ương;

$K_1 = 1,05$ đối với địa bàn là tỉnh có đô thị loại I trực thuộc tỉnh;

$K_1 = 1,0$ đối với địa bàn là các tỉnh còn lại.

K_3 : Hệ số khác biệt được quy định như sau:

$K_3 = 1,0$ đối với ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ);

$K_3 = 0,7$ đối với ngành hạ tầng xã hội (giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch, khoa học và công nghệ, thương mại và logistic, trợ giúp xã hội, phòng cháy và chữa cháy);

$K_3 = 0,8$ đối với ngành môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học;

$K_3 = 1,25$ đối với ngành quốc phòng, sử dụng tài nguyên (khoáng sản, tài nguyên nước, thủy sản, rừng, đất).

$K_3 = 1,5$ đối với ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, đô thị, cấp điện, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, đê điều và phòng, chống thiên tai, thông tin truyền thông, xử lý chất thải, nghĩa trang).

II. ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHUẨN

Định mức trực tiếp cho nội dung đề xuất chuẩn quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

III. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi cho hoạt động xây dựng nội dung đề xuất chuẩn	Hệ số K (*) áp dụng đối với nội dung đề xuất	Ngày công quy đổi theo từng nội dung đề xuất
1	Định mức cho nội dung đề xuất 1	CG	B_1	K	$B_1 \times K$
2	Định mức cho nội dung đề xuất 2	CG	B_2	K	$B_2 \times K$
...					
n	Định mức cho nội dung đề xuất n	CG	B_n	K	$B_n \times K$

(*) Hệ số $K = K_1 \times K_3$.

Phụ lục X
ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHUẨN
*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng đối tượng nghiên cứu		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3	12
b	Thu thập thông tin bổ sung	CG3	12
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3	15
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG2	10
2	Thu thập thông tin dữ liệu, khảo sát bổ sung về các điều kiện, yếu tố tác động đến đối tượng nghiên cứu		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu	CG3	10
b	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung các yếu tố tự nhiên, môi trường	CG3	10
c	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung về các yếu tố kinh tế, xã hội	CG3	10
3	Đề xuất ý tưởng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch		
a.	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG1	5
b	Đề xuất ý tưởng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch	CG1	25
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng đối tượng nghiên cứu		
a	Phân tích hiện trạng bước đầu	CG2	15
b	Thống nhất giữa đánh giá hiện trạng đối tượng nghiên cứu với đánh giá hiện trạng quy hoạch	CG2	15
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG2	15
5	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến đối tượng nghiên cứu		
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác	CG2	15

	động đến đối tượng nghiên cứu		
b	Thống nhất giữa phân tích, đánh giá các yếu tố tác động bên ngoài với nội dung quy hoạch	CG2	10
6	Dự báo, định hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch		
a	Dự báo, định hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu	CG1	40
b	Thống nhất nội dung dự báo, định hướng phát triển với nội dung của quy hoạch	CG1	40
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG1	35
7	Xác định địa điểm, phạm vi không gian của các đối tượng quy hoạch thuộc nội dung đề xuất		
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG1	25
b	Dự kiến địa điểm, phạm vi không gian của các đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG1	30
c	Thống nhất địa điểm, phạm vi không gian của đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất với nội dung của quy hoạch	CG1	35
8	Hoàn thiện nội dung đề xuất		
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng phát triển đối với nội dung đề xuất	CG1	30
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG1	20
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về nội dung đề xuất; sơ đồ thể hiện nội dung đề xuất		
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG1	30
c.2	Xây dựng sơ đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch (nếu có)	CG2	35

Phụ lục XI
ĐỊNH MỨC THÙ LAO THẨM ĐỊNH CỦA THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính*

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Chủ tịch hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	1.500
2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	1.000
3	Chuyên gia là ủy viên phản biện	01 phiếu nhận xét đánh giá	Quy định tại Phụ lục XII của Thông tư này
4	Thành viên Hội đồng thẩm định	01 phiếu nhận xét đánh giá	500

Phụ lục XII
ĐỊNH MỨC CHO HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN QUY HOẠCH
CỦA 01 CHUYÊN GIA TRONG HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính

STT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA		37
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật Quy hoạch	CG1	1
b	Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan	CG1	2
c	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 25 Luật Quy hoạch		
c.1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG1	1,5
c.2	Hiện trạng dân cư và phát triển kinh tế, phát triển các ngành xã hội, an ninh, quốc phòng	CG1	3
c.3	Hiện trạng hệ thống đô thị - nông thôn, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và sử dụng không gian biển	CG1	2
c.4	Mục tiêu về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	2
c.5	Dự báo xu thế phát triển và các tác động đến phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	2
c.6	Xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1	3
c.7	Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội	CG1	2,5
c.8	Định hướng phát triển không gian biển, sử dụng đất quốc gia	CG1	3
c.9	Định hướng phân vùng và liên kết vùng	CG1	2
c.10	Định hướng phát triển đô thị và nông thôn quốc gia	CG1	2
c.11	Định hướng phát triển các ngành hạ tầng xã hội quốc gia	CG1	2
c.12	Định hướng phát triển các ngành hạ tầng kỹ thuật quốc gia	CG1	2
c.13	Định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia và bảo vệ môi trường	CG1	2
c.14	Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1	2
c.15	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	3
2	QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN QUỐC GIA		38
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật Quy hoạch	CG1	1
b	Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan	CG1	1
c	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 26 Luật Quy hoạch		
d.1	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động đến không gian biển	CG1	2
d.2	Thực trạng sử dụng không gian biển	CG1	5
d.3	Thực trạng các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác	CG1	4

	có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái		
d.4	Đánh giá dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên và môi trường trên vùng đất ven biển, vùng biển, vùng trời của Việt Nam	CG1	4
d.5	Đánh giá dự báo xu thế biến động tài nguyên và môi trường trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	4
d.6	Phân tích, đánh giá dự báo nhu cầu sử dụng không gian biển của các hoạt động trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1	4
d.7	Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển	CG1	4
d.8	Định hướng bố trí sử dụng không gian biển	CG1	5
d.9	Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, hải đảo, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam	CG1	2
d.10	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	2
3	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA		19
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật Quy hoạch	CG1	1
b	Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan	CG1	3
c	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch		
c.1	Thực trạng sử dụng đất quốc gia	CG1	5
c.2	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất	CG1	2
c.3	Định hướng sử dụng đất, phương án sử dụng đất, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia	CG1	5
c.4	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia	CG1	2
c.5	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	1
4	QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA		18
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật Quy hoạch	CG1	1
b	Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan	CG1	1
c	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 28 Luật Quy hoạch		
c.1	Thực trạng phát triển ngành	CG1	4
c.2	Dự báo xu thế phát triển, đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng	CG1	3
c.3	Phương án phát triển ngành trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, định hướng phân bố không gian phát triển ngành; xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ của ngành	CG1	4
c.4	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành	CG1	4
c.5	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	1
5	QUY HOẠCH VÙNG		18
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 9 của Luật Quy hoạch	CG1	1
b	Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan	CG1	1
c	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy		

	định tại Điều 29 Luật Quy hoạch		
c.1	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng vùng	CG1	2
c.2	Hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng, các tiềm năng; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng	CG1	3
c.3	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển	CG1	2
c.4	Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển; Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng; phương hướng phát triển vùng, liên tỉnh;	CG1	3
c.5	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; phương hướng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác	CG1	1
c.6	Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng	CG1	2
c.7	Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng	CG1	2
c.8	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	1
6	QUY HOẠCH TỈNH		20
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1	1
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1	1
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1	1,5
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh	CG1	2
d.2	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn	CG1	3
d.3	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, môi trường của tỉnh	CG1	1,5
d.4	Phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội	CG1	1,5
d.5	Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, mạng lưới viễn thông, mạng lưới thủy lợi, các khu xử lý chất thải, kết cấu hạ tầng xã hội	CG1	1,5
d.6	Phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	CG1	2,5
d.7	Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn	CG1	3
d.8	Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1	0,5

d.9	Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1	1
7	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC		19
a	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	CG1	1
b	Đánh giá, thẩm định việc tổng hợp và vận dụng các văn bản pháp lý liên quan đến việc phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH và BVMT, thích ứng biến đổi khí hậu	CG1	2
c	Đánh giá, thẩm định nội dung của Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược		
c.1	Đánh giá các vấn đề môi trường chính phù hợp với Quy hoạch	CG1	3
c.2	Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch	CG1	3
c.3	Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch	CG1	2
c.4	Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của dự báo	CG1	3
c.5	Đánh giá sự phù hợp của giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính	CG1	1
c.6	Đánh giá sự phù hợp định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch	CG1	2
c.7	Đánh giá sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch	CG1	2

Phụ lục XIII
ĐỊNH MỨC CHO HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP XÂY DỰNG BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

*(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2026
của Bộ Tài chính*

STT	Nội dung	Định mức chuyên gia thực hiện	Định mức ngày công thực hiện
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ		
a	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu		
a.1	Các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển có liên quan đến quy hoạch được đánh giá	CG2	15
a.2	Các chiến lược và chính sách phát triển của khu vực, quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quy hoạch	CG2	15
a.3	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra về các điều kiện, yếu tố phát triển của phạm vi quy hoạch được đánh giá	CG2	15
a.4	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra thuộc các ngành, lĩnh vực có liên quan đến quy hoạch được đánh giá	CG2	15
a.5	Số liệu, tài liệu, thông tin điều tra thuộc các vùng lãnh thổ và địa phương (nếu có) có liên quan đến phạm vi ranh giới quy hoạch được đánh giá	CG2	15
a.6	Hệ thống sơ đồ, bản đồ liên quan	CG2	20
b	Điều tra thực địa		
b.1	Cập nhật thông tin, tài liệu diễn biến tình hình triển khai chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển có liên quan đến quy hoạch được đánh giá	CG2	15
b.2	Cập nhật thông tin, tài liệu diễn biến tình hình triển khai chương trình, dự án liên quan đến việc thực hiện quy hoạch	CG2	15
b.3	Bổ sung, cập nhật thông tin, số liệu về tình hình triển khai, phát triển khu vực trọng điểm phát triển được xác định trong quy hoạch như: hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng, khu chức năng, khu vực phát triển khác.	CG2	15
c	Xử lý tổng hợp các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1	30
2	Xây dựng nội dung của Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch		
a	Tổng hợp, phân tích, đánh giá khái quát tình hình thực hiện định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch vùng; phương án phát triển các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.	CG1	50

b	Đánh giá tình hình thực hiện định hướng, phương hướng, phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, phát triển các khu chức năng (nếu có).	CG1	50
c	Đánh giá tình hình sử dụng đất (nếu có).	CG1	50
d	Đánh giá kết quả triển khai một số dự án có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng và địa phương đã triển khai thực hiện;	CG1	50
đ	Đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên, kết quả công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có).	CG1	50
e	Đánh giá tình hình huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch.	CG1	30
g	Đánh giá việc ban hành và thực hiện các giải pháp để triển khai thực hiện quy hoạch.	CG1	50
h	Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trên thực tế so với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch. Dự báo về mức độ đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong kỳ quy hoạch.	CG1	50
i	Xác định những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch.	CG1	15
k	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai quy hoạch.	CG1	15
l	Kiến nghị nội dung quy hoạch cần điều chỉnh (nếu có).	CG1	30
m	Xây dựng sơ đồ thể hiện nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch	CG2	10